
LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Để đứng vững được trong sự cạnh tranh đó và không ngừng phát triển, mở rộng sản xuất đòi hỏi các doanh nghiệp phải đặc biệt quan tâm đến tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Một trong những công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất của doanh nghiệp là kế toán. Kế toán có nhiệm vụ cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho nhà quản lý, để đề xuất phương hướng và các biện pháp nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh, bằng kiến thức của mình đã học tại trường và mong muốn được vận dụng lý thuyết vào thực tế em đã chọn đề tài: " Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh " làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và phần kết luận còn gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Với thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hy vọng những ý kiến trong bài viết sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Hồ Hải Hường

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ

KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Những năm gần đây nền kinh tế thị trường đã diễn ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Vì vậy để tồn tại, đứng vững và có uy tín trên thị trường các doanh nghiệp phải tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc và có hiệu quả công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

Thông qua thông tin kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mỗi doanh nghiệp sẽ tìm ra biện pháp quản lý sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá bán, cơ cấu mặt hàng phù hợp nhằm nâng cao hiệu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước cho phép các doanh nghiệp có thể tự chủ nhưng phải hạch toán kinh doanh, lấy thu bù chi và đảm bảo có lãi. Kế toán phải thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của từng nghiệp vụ, góp phần quản lý vật tư, tiền vốn, lao động có hiệu quả hơn và có biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng doanh thu, tăng kết quả kinh doanh. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản.

✿ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Các loại doanh thu:**

♦ **Doanh thu bán hàng:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ các nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là giá trị thanh toán của số hàng đã bán.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu:

+ Bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Bán hàng theo phương thức bán lẻ hàng và bán các dịch vụ, lao vụ: Theo phương thức này, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hoá trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

+ Bán hàng theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Bán hàng theo phương thức giao thẳng: Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Khi đó nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

+ Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu

hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- Theo chuẩn mực 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

♦ **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** là số tiền thu được từ các giao dịch. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của dịch vụ đã thực hiện.

- Theo chuẩn mực 14 doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

♦ **Doanh thu nội bộ:** là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty.

♦ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị, lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đạt được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi

nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Theo chuẩn mực 14 doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

♦ **Thu nhập khác:** là các khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác

✱ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** là các khoản làm giảm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản sau:

♦ **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

♦ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

♦ **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết,

vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

♦ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:** là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

✱ **Chi phí:** là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

♦ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

♦ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

♦ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; các khoản thuế, phí, lệ phí; dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

♦ **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các vấn đề về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí

cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí về cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác..

♦ **Chi phí khác:** là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước. Nội dung của các khoản chi phí bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

♦ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}.$$

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

✿ **Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.**

Kết quả kinh doanh là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu với các khoản chi phí trong một thời kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh bao gồm:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu hoạt động tài chính	Chi phí tài chính	Chi phí quản lý kinh doanh
--	--	---	-------------------------------------	----------------------	----------------------------------

- Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.
- Lợi nhuận trước thuế: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp thông tin trung thực, kịp thời theo yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí của doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức kinh doanh trong doanh nghiệp để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, tính doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn nhằm cung cấp kịp thời những số liệu, thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và các yếu tố chi phí theo quy định, xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ hợp lý chi phí cho hàng tiêu thụ trong kỳ để xác định chính xác kết quả bán hàng.
- Tính toán, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Xác định đúng kết quả kinh doanh để cung cấp số liệu cho các bên liên quan, thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp, giữ vững uy tín cho doanh nghiệp trong mối quan hệ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

♦ Tài khoản 511 " **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** ". Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

✓ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

♦ Tài khoản 512 " **Doanh thu bán hàng nội bộ** ". Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

✓ *Bên Nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối sản - phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

✓ *Bên Có:*

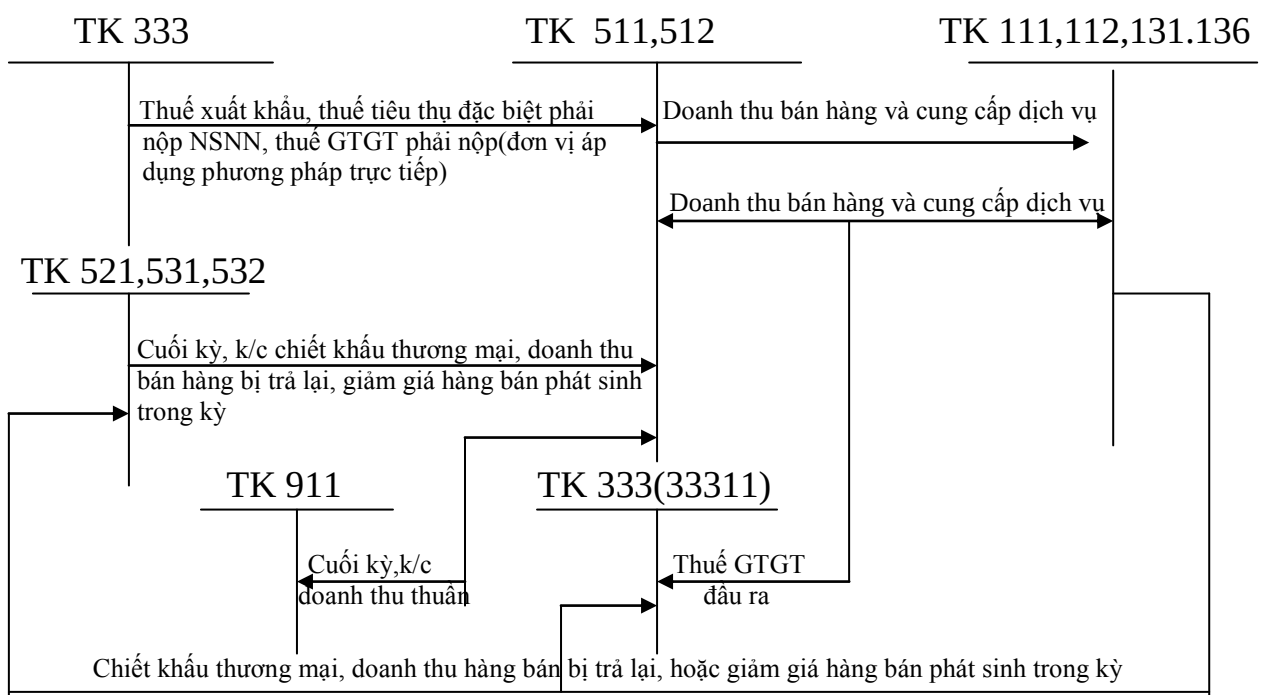
- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán .

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

c. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

a. Chứng từ sử dụng:

- HĐ GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 521 " **Chiết khấu thương mại** ". Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền chiết khấu cho khách hàng và kết chuyển số tiền chiết khấu đó tính vào chi phí hoạt động tài chính.

- *Bên Nợ*: Ghi số tiền chiết khấu bán hàng đã chấp nhận cho khách hàng.
- *Bên Có*: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu bán hàng trong kỳ tính vào chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

♦ Tài khoản 531 " **Hàng bán bị trả lại** ". Tài khoản này dùng phản ánh trị giá thành phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641.

- *Bên Nợ*: Trị giá của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền hoặc trừ vào nợ phải thu.
- *Bên Có*: Kết chuyển hàng bán bị trả lại để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

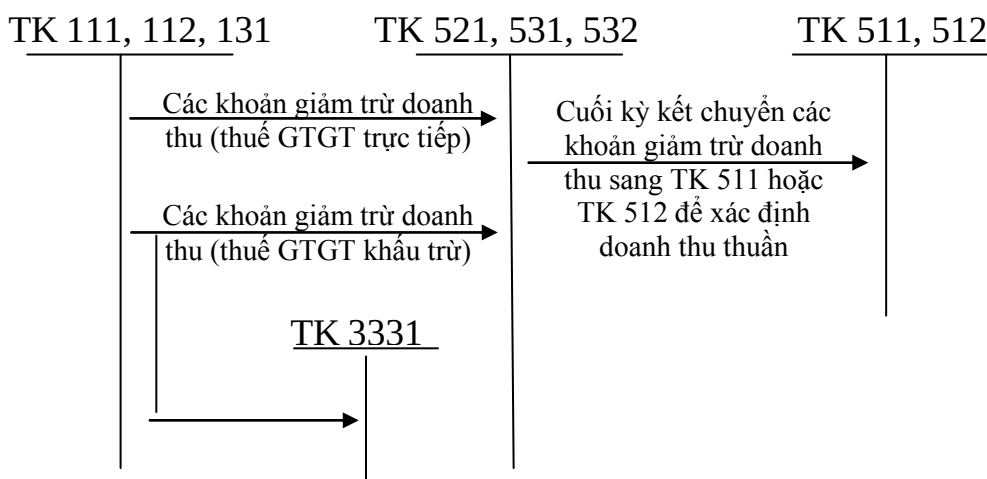
♦ Tài khoản 532 " **Giảm giá hàng bán** ". Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản bớt giá, giảm giá hàng bán thực tế phát sinh.

- *Bên Nợ*: Các khoản giảm giá đã chấp nhận cho khách hàng.
- *Bên Có*: Kết chuyển giảm giá hàng bán để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán) được thể hiện qua sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

a. Chứng từ sử dụng:

- HĐ GTGT
- Phiếu xuất kho.
- Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

♦ Tài khoản 632 " **Giá vốn hàng bán** ". Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán và kết chuyển trị giá vốn sang TK 911.

✓ *Bên nợ:*

- Giá vốn hàng đã bán.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ *Bên có:*

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

♦ Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản khác như: tài khoản 155, 156, 611, 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

c. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

✓ *Theo phương pháp tính theo giá đích danh:* Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Theo phương pháp này, khi xuất kho mặt hàng nào thì lấy theo giá của chính mặt hàng đó.

✓ *Theo phương pháp bình quân gia quyền:* Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp. Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

+ Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán mới đi xác định giá bình quân từ đó mới xác định được trị giá xuất từng ngày trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn vị bình} \\ \text{quân cả kỳ} \\ \text{dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

+ Giá đơn vị bình quân liên hoàn: Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập đó theo công thức:

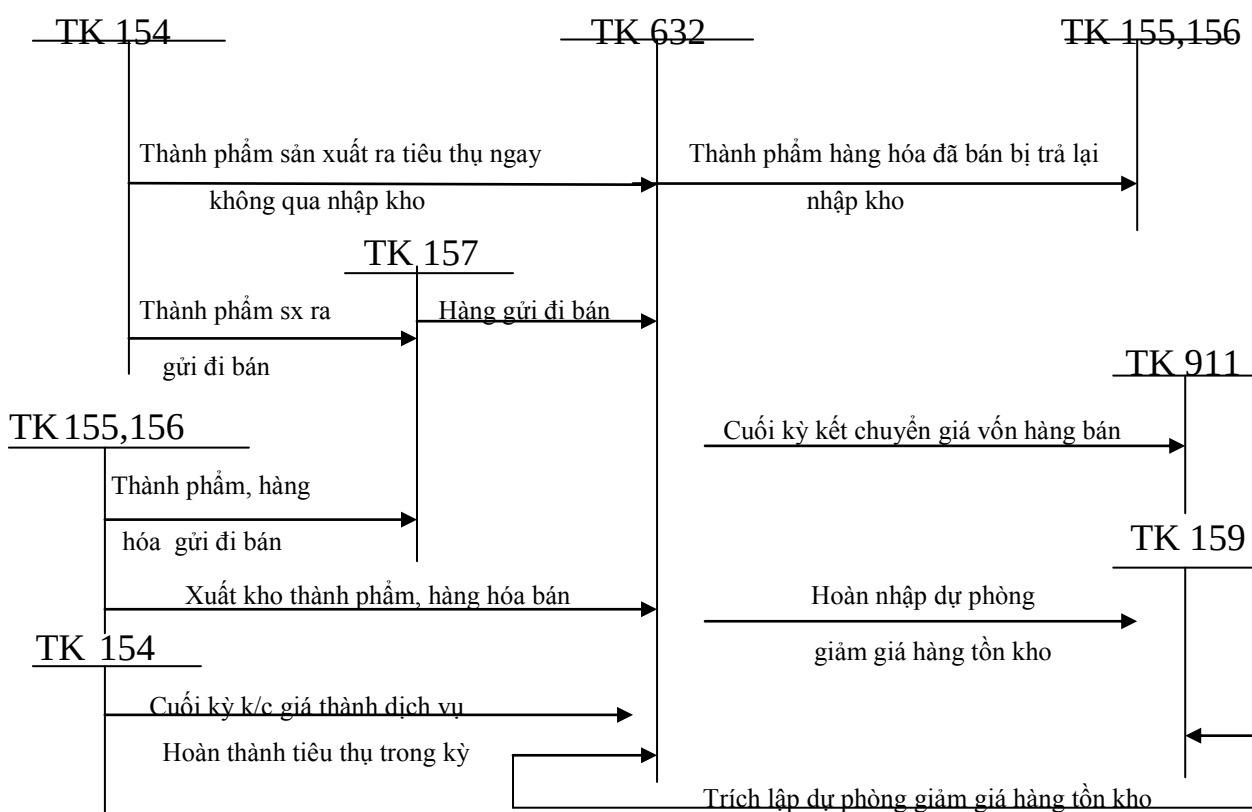
$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{sau mỗi lần nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập} \end{array}}$$

✓ *Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO):* áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

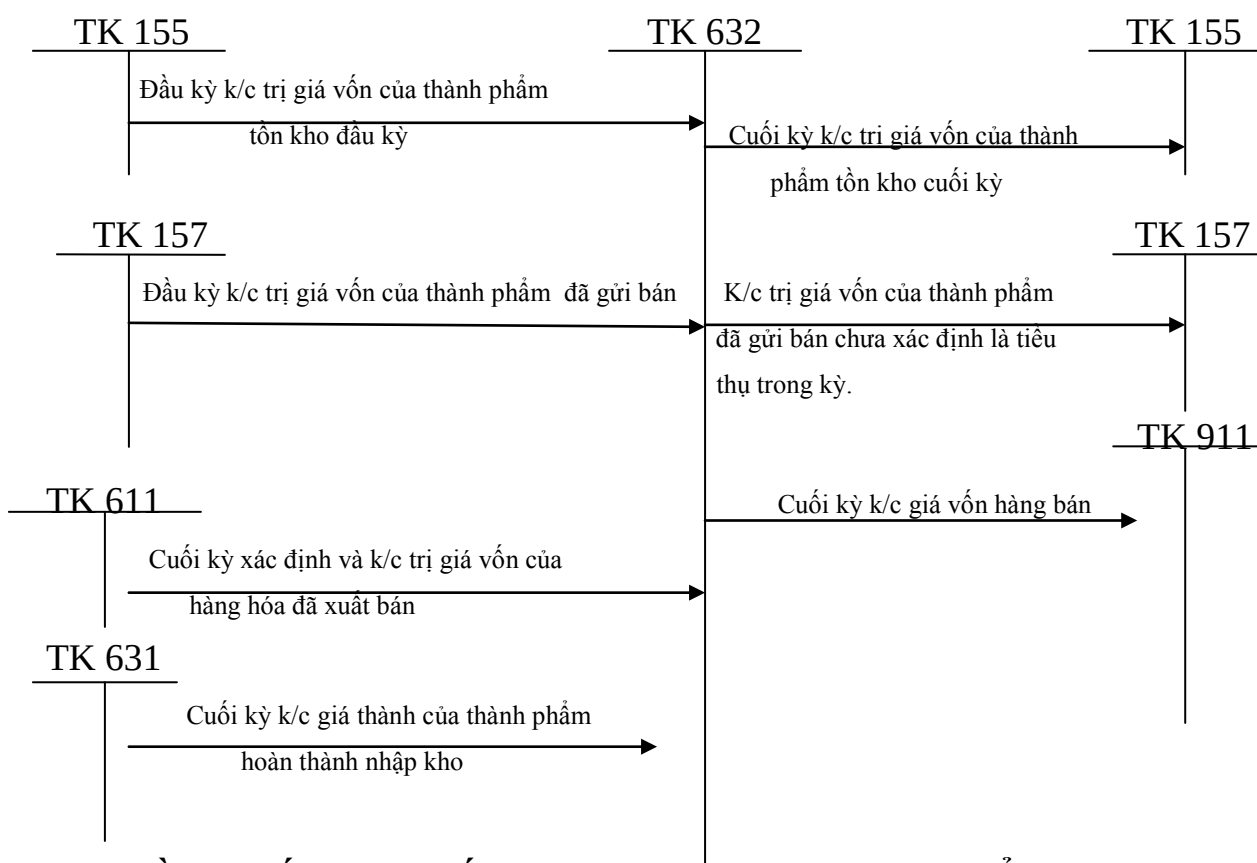
✓ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):* áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

d. Phương pháp hạch toán.

Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 và phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4



Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Chứng từ sử dụng.

- HĐ GTGT.
- Bảng phân bổ NVL, CCDC.
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 641 "**Chi phí bán hàng**". Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- *Bên nợ*: Phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- *Bên có*: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền.

♦ Tài khoản 642 " **Chi phí quản lý doanh nghiệp** ". Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

✓ *Bên nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp việc làm.

✓ *Bên có:*

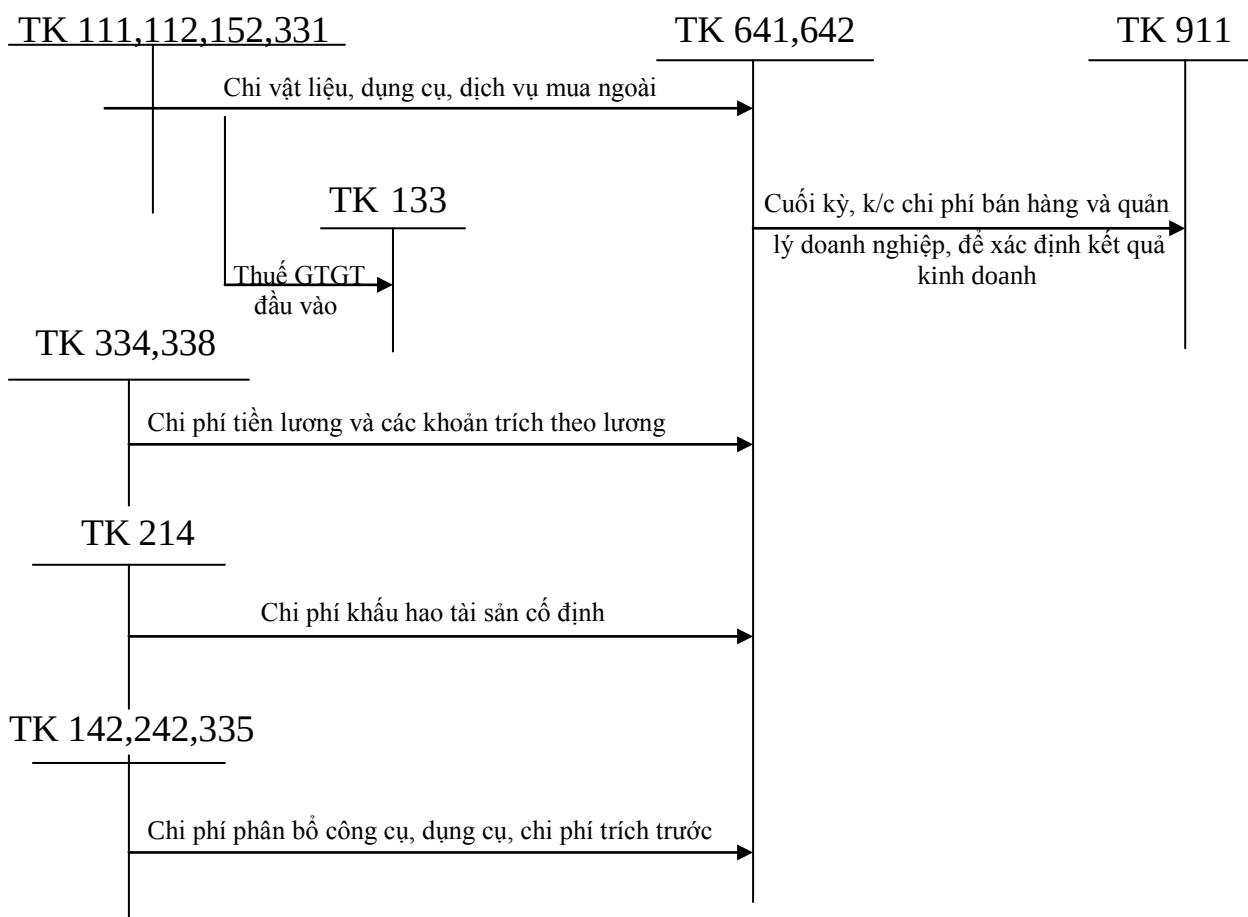
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

c. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

♦ Tài khoản 515 " **Doanh thu hoạt động tài chính** ". Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh...của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ:

+ Các khoản ghi giảm doanh thu hoạt động tài chính (giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thuộc hoạt động tài chính, thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp).

+ Kết chuyển tổng số thu nhập hoạt động tài chính vào TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✓ **Bên Có:** Các khoản thu nhập hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

♦ Tài khoản 635 " **Chi phí tài chính** " Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của Doanh nghiệp.

- **Bên Nợ:** Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

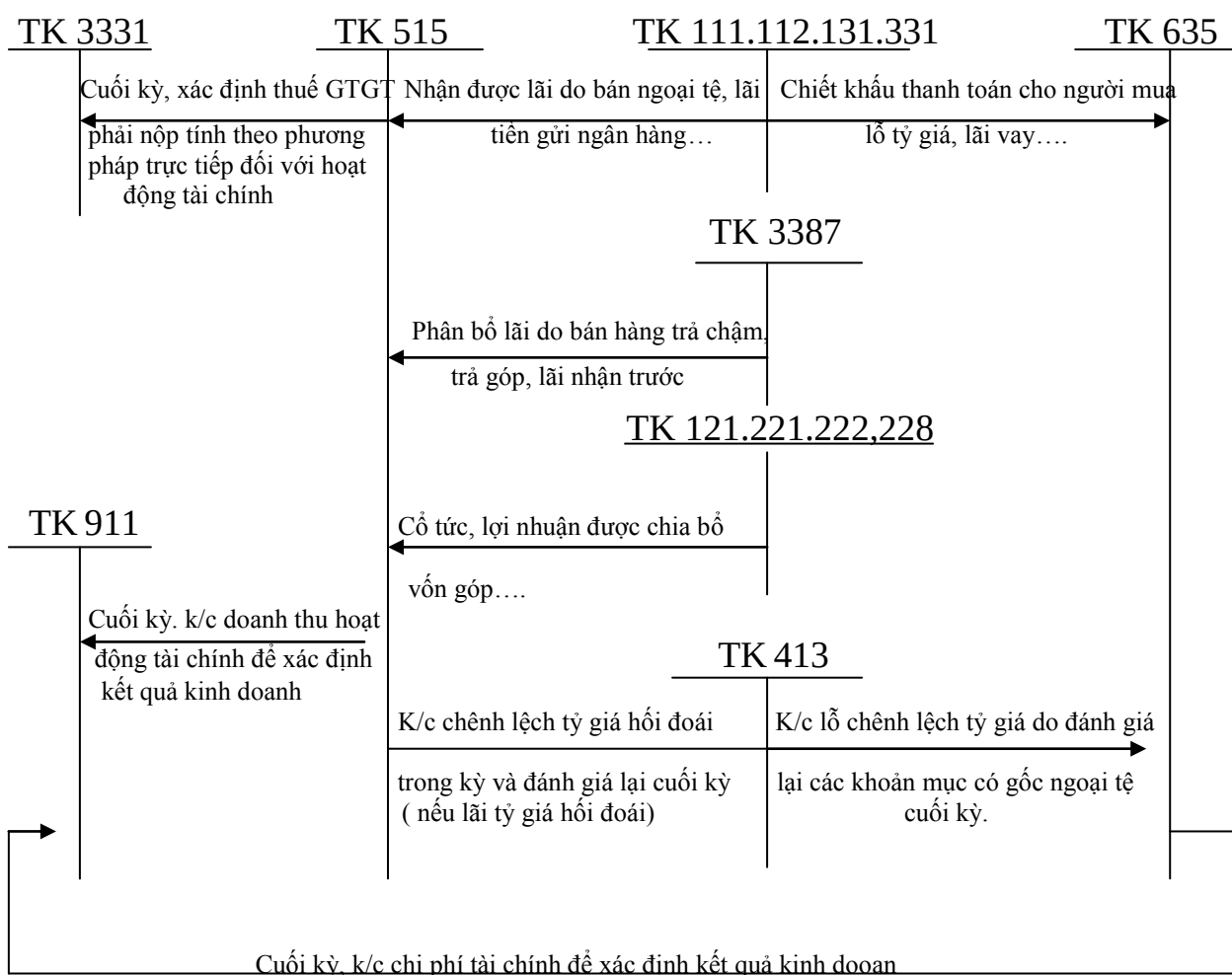
- **Bên Có:** + Các khoản giảm chi phí tài chính.

+ Kết chuyển chi phí tài chính vào TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương thức hạch toán.

Phương thức hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.**a. Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 " **Thu nhập khác** ". Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Bên Nợ:*

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang Tài khoản 911 xác định kết quả kinh doanh.

- *Bên Có:* Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 811 " **Chi phí khác** ". Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

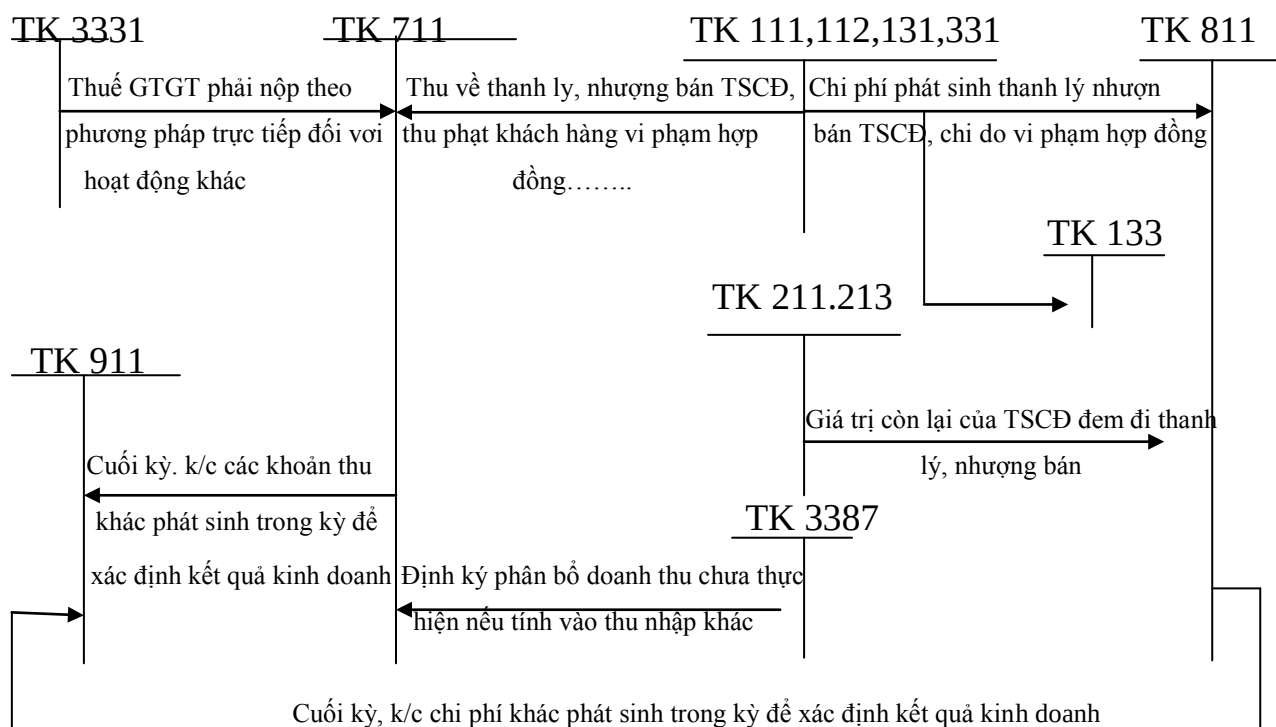
- *Bên Nợ:* Các khoản chi phí khác phát sinh.

- *Bên Có:* Cuối kỳ, kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh vào Tài khoản 911 xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán:

Phương thức hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{Kết quả} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí (giá} \\ \text{vốn, CPBH,} \\ \text{CPQLDN} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \end{array}$$

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 " **Xác định kết quả kinh doanh** ". Tài khoản này dùng để phản ánh, xác định kết quả hoạt động kinh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán.

- Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lãi.

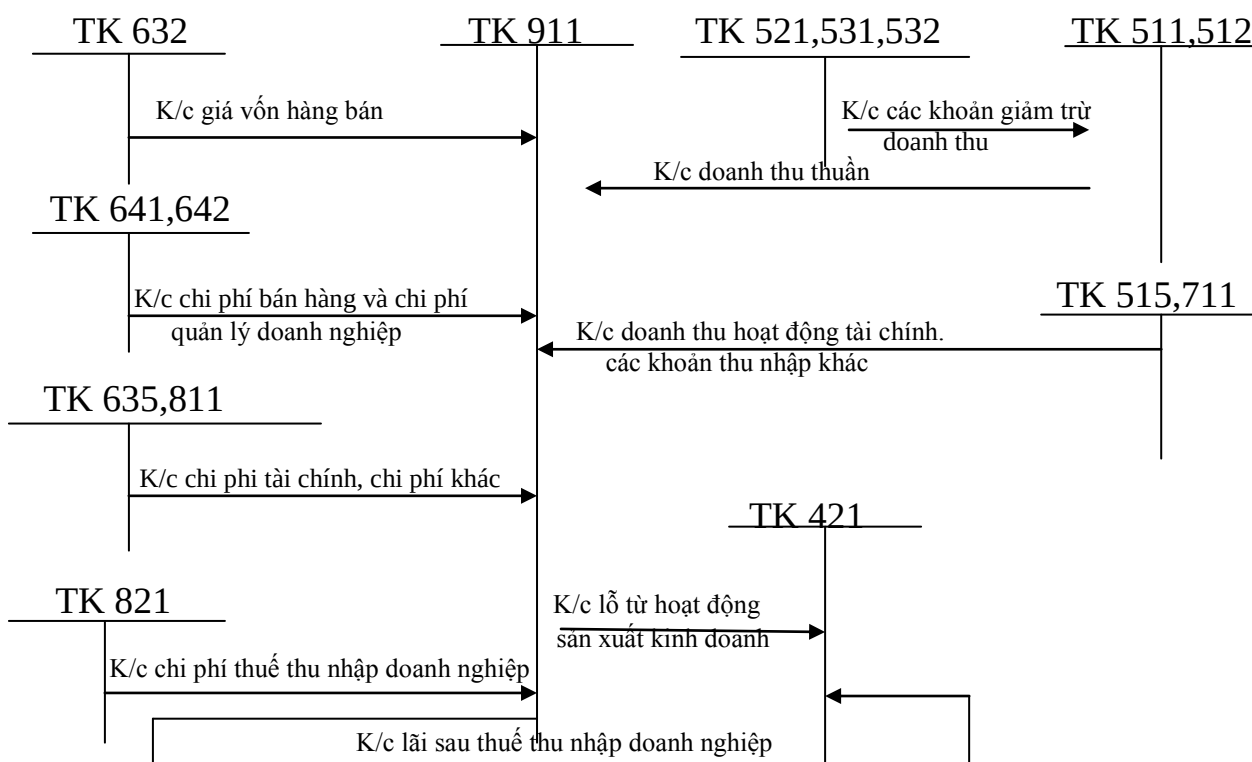
- Bên Có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

d. Phương pháp hạch toán

Phương thức hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ TRƯỜNG ANH.

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: 939 đường 5 cũ - Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Điện thoại: 031.353.8668 Mã số thuế: 0200425948

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Công ty CP Dầu khí Trường Anh được thành lập ngày 30 tháng 05 năm 2001 tại An Tràng, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng. Đến ngày 12 tháng 11 năm 2003 để đáp ứng với nhu cầu phát triển và mở rộng thị trường, thuận tiện trong việc giao dịch và bán hàng, ban Quản trị Công ty quyết định chuyển trụ sở chính sang số 939 đường 5 cũ, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng. Nơi này được biết đến như trung tâm đầu não của ngành xăng dầu thành phố với sự hiện diện của Công ty xăng dầu khu vực III là một doanh nghiệp Nhà nước lớn trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Toàn bộ cơ sở vật chất của ngày đầu thành lập như tàu khai thác cát, xe chở dầu, tàu chở dầu... được đầu tư từ nguồn vốn tự có được huy động chính từ các cổ đông của Công ty. Cho đến nay bằng nỗ lực vượt bậc của ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên và sự đóng góp của các cổ đông, Công ty còn mạnh dạn đầu tư mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất mới như khai thác cát, kinh doanh bến bãi, kinh doanh tư liệu sản xuất liên quan trực tiếp đến ngành xăng dầu....

Từ đầu năm 2004 đến nay, với cơ chế hoạt động kinh doanh xăng dầu theo quy định mới ra của Bộ Thương Mại, thị trường mất ổn định với sự biến động không ngừng của giá xăng dầu thế giới nhưng Công ty vẫn luôn hoàn thành nhiệm vụ cung cấp nguồn hàng ổn định, phong phú về chủng loại, đảm bảo chất lượng và luôn đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng nhờ việc ký hợp đồng làm tổng đại lý cho Công ty xăng dầu khu vực III.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

✓ Theo điều lệ hoạt động của Luật Doanh nghiệp đã đăng ký quy định ngành hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, tồn trữ, bảo quản, bơm rót xăng dầu, mỡ, dầu bôi trơn, khí hoá lỏng.
- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, kim khí, máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng hoá thuỷ bộ, vận chuyển hành khách bằng đò ngang gắn máy.
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải thuỷ bộ.
- Kinh doanh bến bãi, bốc xếp hàng hoá, san lấp mặt bằng.

Thị trường tiêu thụ xăng dầu lớn là các đơn vị vận tải sông biển đóng trên địa bàn Hải Phòng và một số tỉnh lân cận như Quảng Ninh, Nam Định.

Hiện nay mặt hàng kinh doanh chính của Công ty cổ phần dầu khí Trường Anh là các loại xăng dầu: Xăng ô tô các loại, Dầu diesel các loại, Dầu ma zút các loại, Dầu nhớt, Dầu hoả...

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo nguyên tắc trực tuyến. Các phòng ban nghiệp vụ và các cửa hàng có chức năng tham mưu cho Giám đốc hoặc Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách về những vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ. Chức năng, nhiệm vụ các bộ phận như sau:

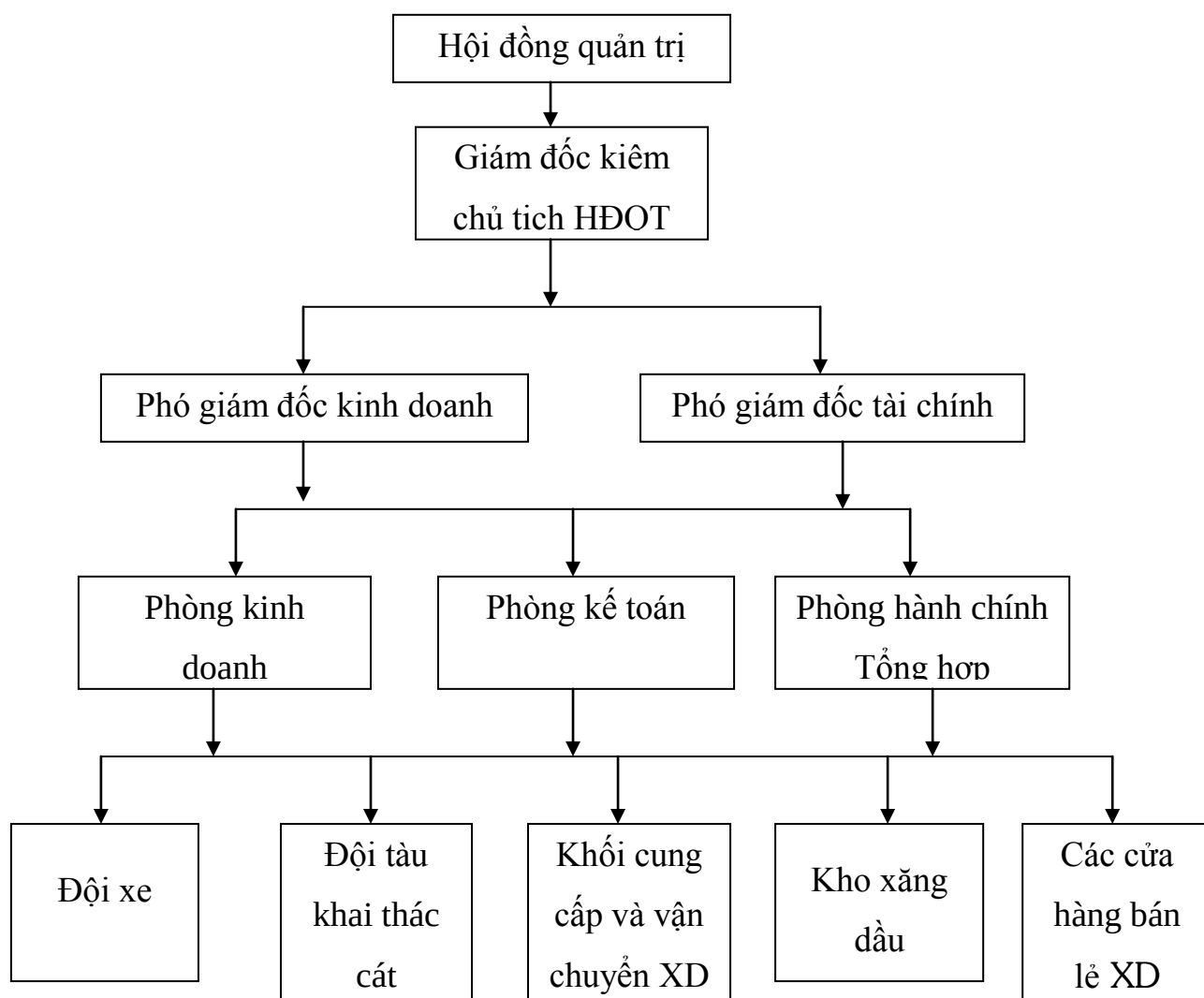
- **Đại hội đồng:** Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty gồm các cổ đông có quyền biểu quyết.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những vấn đề sai phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho công ty.

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty:** Là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Phó Giám Đốc Kinh Doanh và Phó Giám đốc Tài Chính** có trách nhiệm đơn đốc giám sát quá trình kinh doanh đồng thời hỗ trợ giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh.

- Các phòng ban của Công ty:

+**Phòng Hành chính – Tổng hợp:** có nhiệm vụ quản lý điều hành công tác hành chính, tổ chức của công ty, quản lý và sử dụng con dấu, tiếp nhận, lưu chuyển công văn tài liệu, lưu trữ, theo dõi, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động.



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

+**Phòng Kế toán:** có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, quản lý tài chính của công ty, lập sổ sách, hạch toán, báo cáo số liệu kế toán.

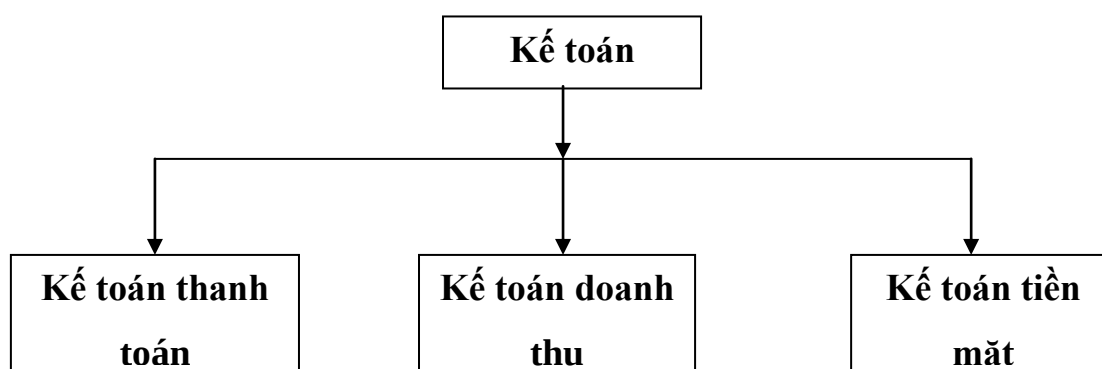
+**Phòng Kinh doanh:** có nhiệm vụ phân tích, theo dõi, lập kế hoạch và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp thị sản phẩm, tìm kiếm và phát triển khách hàng, nghiên cứu thị trường, lập báo cáo thường xuyên hoặc bất thường trình ban giám đốc để đề ra phương hướng kinh doanh có hiệu quả.

Nhìn chung các phòng ban chịu sự chỉ đạo của ban giám đốc giúp ban giám đốc kiểm tra việc chấp hành chỉ tiêu kế hoạch, các chế độ đảm bảo cho công tác lãnh đạo có hiệu quả và việc kinh doanh được thông suốt.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh đã quyết định lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung của công ty như sau (Sơ đồ 2.2) :



Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Nhiệm vụ của phòng kế toán:

- **Kế toán trưởng:** Được Hội đồng quản trị bổ nhiệm với chức năng thực hiện và chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, tài chính trong công ty, thống kê các thông tin kế toán và chế độ hạch toán để báo cáo lên cấp trên.

- **Kế toán thanh toán:** Theo dõi toàn bộ phần hành tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản thanh toán với khách hàng, thanh toán với nhân viên...

- **Kế toán doanh thu:** Có trách nhiệm làm giấy báo Nợ, viết hóa đơn và đòi nợ.

- **Kế toán tiền mặt:** Cấp phát thu chi tiền mặt hàng ngày, theo dõi tăng giảm tiền, quản lý số lượng tồn quỹ. Lập sổ theo dõi tình hình tăng, giảm và khấu hao TSCĐ.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại Công ty.

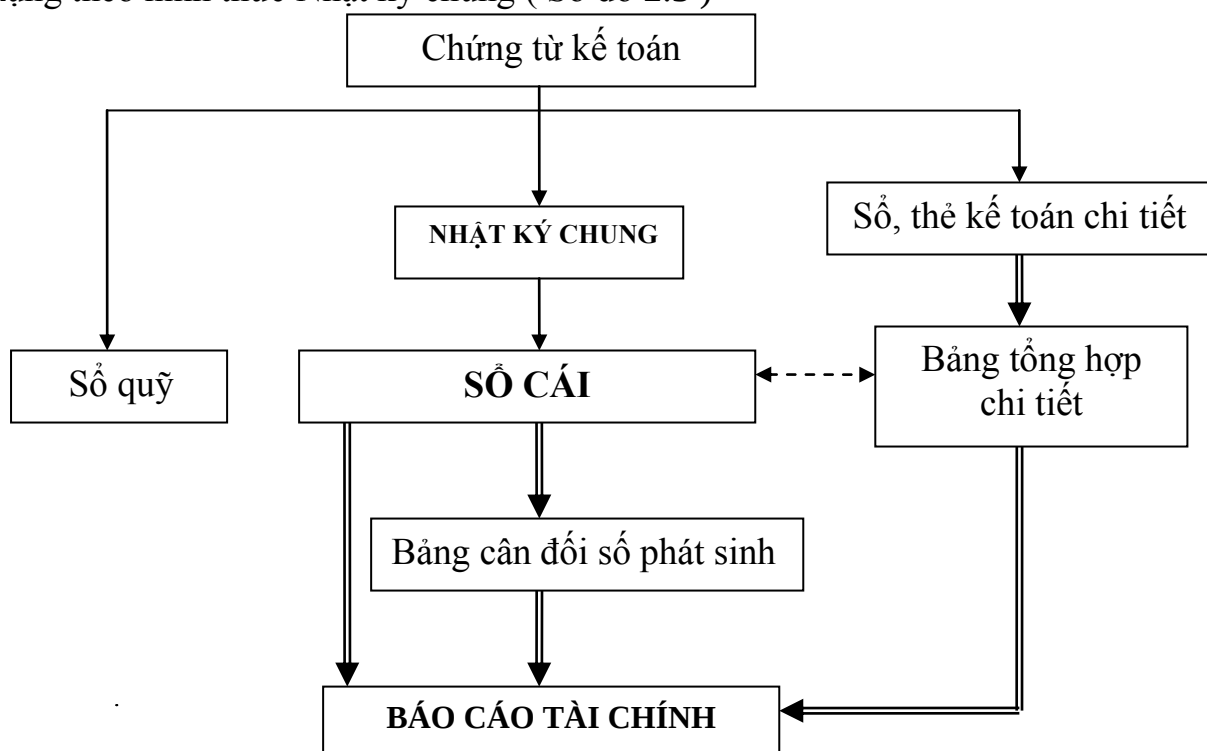
Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty.

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty.

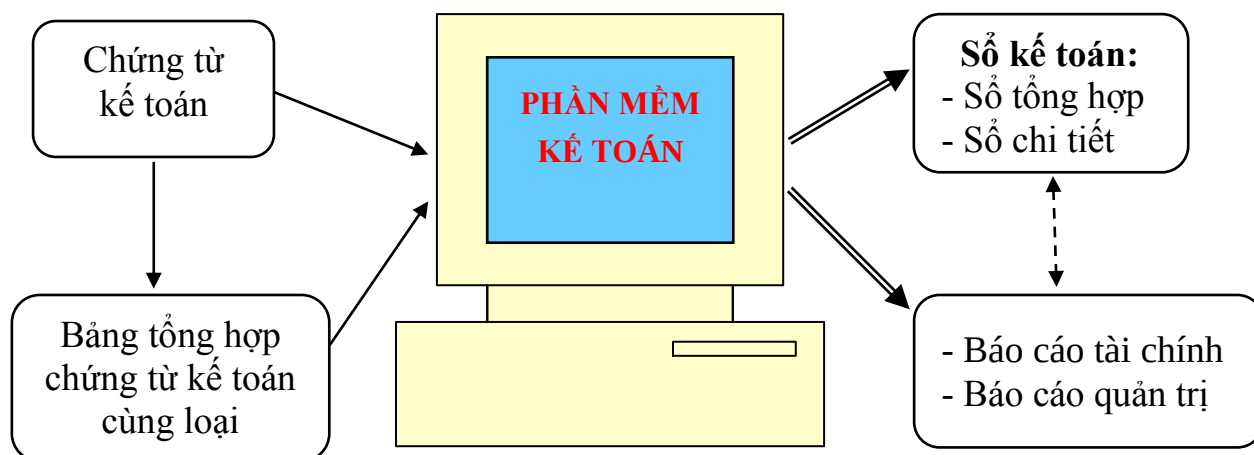
Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm Compasx Accounting 2005 và kế toán áp dụng theo hình thức Nhật ký chung (Sơ đồ 2.3)



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày.
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- ◀-----> Đối chiếu, kiểm tra.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra, phân loại theo đối tượng, nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán kích vào biểu tượng liên quan đến nghiệp vụ phát sinh đó. Các chứng từ liên quan xuất hiện. Kế toán nhập chứng từ vào máy tính để lập nhật ký chung, nhật ký đặc biệt và sổ, thẻ kế toán chi tiết. Chương trình phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào Sổ Cái, Bảng tổng hợp chi tiết. Cuối quý máy tính tự thực hiện các bút toán kết chuyển, lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm Báo Cáo Tài Chính in và nộp quyết toán theo năm tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.

Công ty CP dầu khí Trường Anh là một công ty thương mại, doanh thu của Công ty từ nhiều nguồn khác nhau nhưng chủ yếu từ hai nguồn chính như sau:

- Doanh thu bán hàng chủ yếu là các loại xăng dầu như : xăng ô tô các loại, dầu diesel các loại, dầu ma zút các loại, dầu nhớt, dầu hoả...
- Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh khai thác cát, dịch vụ tiếp nhận, bảo quản, đóng rót, vận chuyển dầu bằng phương tiện thủy, bộ cho khách hàng có nhu cầu.

a. Chứng từ sử dụng.

- HĐ GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 511 " **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** ". Tài khoản này dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp.

- Tài khoản 511 có hai tài khoản cấp 2 như sau:
 - + TK 5111: doanh thu bán hàng hóa.
 - + TK 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ.

c. Phương thức bán hàng tại Công ty.

Công ty sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn là hình thức bán chủ yếu của Công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hóa tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn là các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH,... ở thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận. Việc mua hàng hóa tại Công ty đều phải căn cứ vào các hợp đồng kinh tế đã được ký kết để xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

- Bán lẻ qua hệ thống cửa hàng xăng dầu Trường Anh cho khách hàng đường bộ, tàu chở dầu cho khách hàng đường biển.

✓ Phương thức thanh toán tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh gồm:

- Tiền mặt.
- Chuyển khoản.

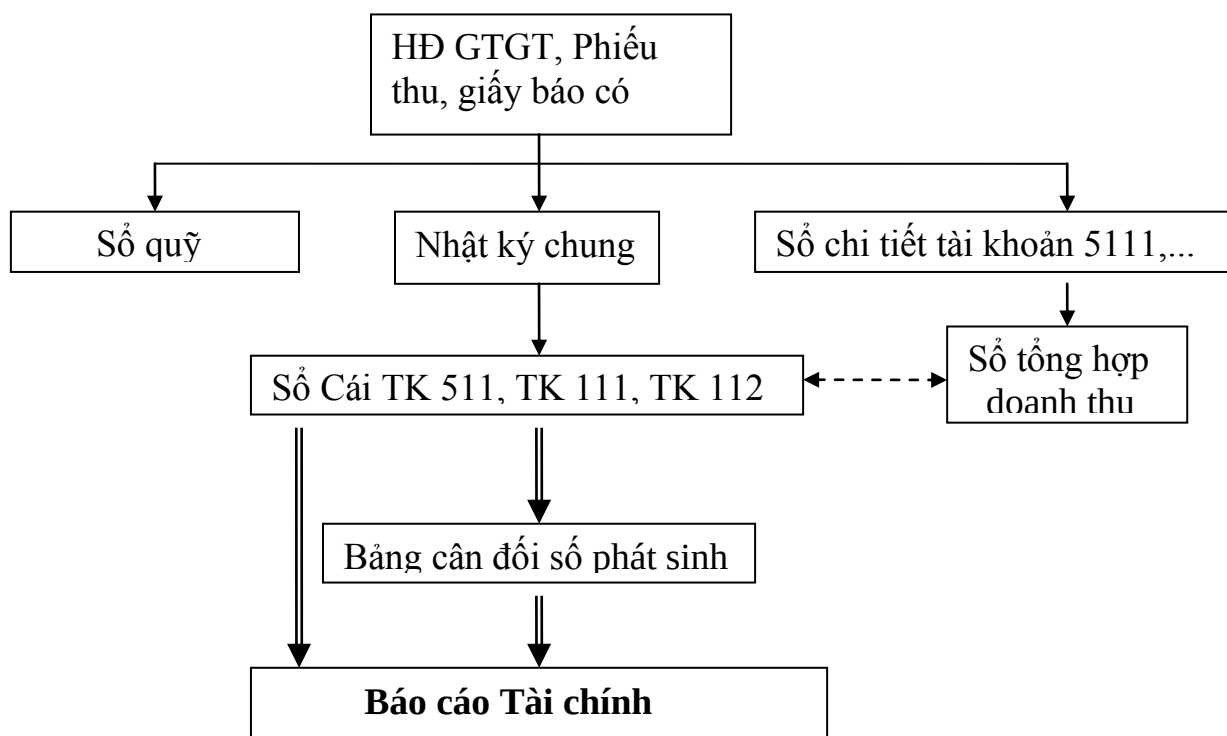
d. Quy trình hạch toán.**♦ Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào các Sổ chi tiết, Sổ cái TK 511, TK 131, TK 111... và các sổ khác có liên quan.

- Cuối quý, kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh được mô tả theo sơ đồ 2.5



Sơ đồ 2.5. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu

✓ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: HĐ GTGT số 0031549 (biểu 01) ngày 06 tháng 12 năm 2008 bán 4.788 lít Dầu Diezel 0,05%S cho Công ty CP Xây dựng Miền Đông. Tổng tiền thanh toán là 57.455.980 đồng trong đó thuế GTGT 10%, đơn giá là 10.636,36 đồng, lệ phí xăng dầu là 1.436.400 đồng. Công ty CP Xây dựng Miền Đông thanh toán bằng tiền mặt phiếu thu số PT-12-023/08 (biểu 02).

Kế toán tiền hành định khoản:

Nợ TK 131	:	56.019.580
Có TK 511	:	50.926.891
Có TK 3331	:	5.092.689
Nợ TK 131	:	1.436.400
Có TK 138	:	1.436.400
Nợ TK 111	:	57.455.980
Có TK 131	:	57.455.980

Ví dụ 2: HĐ GTGT số 0031550 (biểu 03) ngày 06 tháng 12 năm 2008 bán 4.067,58 lít Dầu Diezel 0,05%S cho Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ. Tổng tiền thanh toán là 164.159.945 đồng, trong đó thuế GTGT 10%, lệ phí xăng dầu 4.104.000 đồng. Ngày 08 tháng 12 năm 2008, Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ đã thanh toán hết bằng tiền gửi ngân hàng, lệnh chuyển có số GC-50-01/08 (biểu 04).

Kế toán tiền hành định khoản:

Nợ TK 131	:	160.055.945
Có TK 511	:	145.505.405
Có TK 3331	:	14.550.540
Nợ TK 131	:	4.104.000
Có TK 138	:	4.104.000
Nợ TK 112	:	164.159.945
Có TK 131	:	164.159.945

- Căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu thu, lệnh chuyển có kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động nhập số liệu vào Nhật ký chung (biểu 05), Sổ Cái TK 511(biểu 06), Sổ chi tiết TK 5111(biểu 07), Sổ chi tiết bán hàng (biểu 08), Bảng tổng hợp doanh thu (biểu 09), Sổ Cái TK 131(biểu 10), Sổ chi tiết thanh toán với người mua (biểu 11), Sổ quỹ tiền mặt (biểu 12), Sổ tổng hợp thanh toán với người mua (biểu 13), Sổ Cái TK 111(biểu 14), Sổ Cái TK 112 (biểu 15), Sổ Cái TK 333 (biểu 16).

Biểu 01:**HÓA ĐƠN**
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

MB/2008B

Liên 3: Nội bộ

0031549

Ngày 06 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: 939 đường 5 cũ- P. Hùng Vương- Hồng Bàng- HP.

MST: 0200425948

Họ tên người mua:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Đông.

Địa chỉ: D201 số 275- Lạch Tray- Ngô Quyền- Hải Phòng.

MST: 0200156822

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Diesel 0,05%S	Lít	4.788	10.636,36	50.926.891
Cộng tiền hàng:					50.926.891
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT			5.092.689
LPXD 1.436.400		Tổng tiền thanh toán			57.455.980
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu bốn trăm lăm mươi năm ngàn chín trăm tám mươi đồng!					

Người mua hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 02:

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh

Quyển số:

Mẫu số 01-TT

Số 939 đường 5 cũ Hùng Vương-

PHIẾU THU

Số: PT-12-023/08

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hong Bang- HP.

Ngày 06 tháng 12 năm 2008

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Điện thoại: 031.353.8668

Nợ 1111 57.455.980 đồng

Có 131 57.455.980 đồng

Họ tên người nộp tiền: Công ty CP xây dựng Miền Đông.

Địa chỉ: D201 số 275 Lạch Tray- Ngô Quyền - HP.

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua Dầu Diesel 0,05%S.

Số tiền: 57.455.980

Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi năm nghìn chín trăm tám mươi đồng!

Kèm theo chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày 06 tháng 12 năm 2008

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Bạch Thị Hảo

Trần Thị Kim Chung

Hồ Thị Thân

Trần Thị Xuân

Biểu 03:**HOÁ ĐƠN**
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu:01 GTKT-3LL

MB/2008B

Liên 3: Nội bộ

0031550

Ngày 06 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: 939 đường 5 cũ - P. Hùng Vương- Hồng Bàng- HP.

MST: 0200425948

Họ tên người mua:

Tên đơn vị: Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ – Trường GTVT TW II.

Địa chỉ: Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

MST:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Diesel 0,05%S	lít	13.680	10.636,36	145.505.405
Cộng tiền hàng:					145.505.405
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT					14.550.540
LPXD 4.104.000 Tổng cộng tiền thanh toán					164.159.945
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu bốn trăm linh ba ngàn chín trăm chín năm đồng!					

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 04:

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

LỆNH CHUYỂN CỐ

Mã KH: LTM 2314

Số bút toán: 00000064

Loại giao dịch: Lệnh chuyển có giá trị thấp.

Thời điểm TTXL:

Số hiệu giao dịch: 10000012

Ngày, giờ nhận: 08/12/2008 – 14:50:24

Ngân hàng gửi: NHTMCP Đông Á Hải Phòng.

Mã NH: 31304001 TK nợ

Ngân hàng nhận: NHTMCP Hàng Hải Hải Phòng.

Mã NH: 31302001 TK có

Người phát lệnh: TT ĐÀO TẠO LÁI XE CỜ GIỚI

Địa chỉ/số CMND:

Tài khoản: 0

Tại NH: 31304001 - NHTMCP Đông Á Hải Phòng.

Người nhận lệnh: CTY CP DẦU KHÍ TRƯỜNG ANH.

Địa chỉ/số CMND

Tài khoản: 02001010020615 Tại NH: 31302001 - NHTMCP Hàng Hải Hải Phòng

Chương – loại – khoản – hạn mục:

Nội dung: TT TIỀN XĂNG DẦU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO T11.2008 tại NH TMCP Hàng Hải Hải Phòng.

Số tiền bằng số: 164.159.945

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lăm mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi năm đồng!

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

Biểu 05:**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
.....						
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	632	53.066.380	
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	156		53.066.380
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	56.019.580	
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	511		50.926.891
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	333		5.092.689
06/12/08	LPR-304-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	131	1.436.400	
06/12/08	LPR-304-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	138		1.436.400
06/12/08	PC-12-23/08	06/12/08	Thu tiền bán dầu theo HĐ số 0031549	111	57.455.980	
06/12/08	PC-12-23/08	06/12/08	Thu tiền bán dầu theo HĐ số 0031549	131		57.455.980
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	160.055.945	
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S, Mogas	511		145.505.405
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S, Mogas	333		14.550.540
06/12/08	LPR-305-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	131	4.104.000	
06/12/08	LPR-305-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	138		4.104.000
.....						
08/12/08	GC-50-01/08	08/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu	112	164.159.945	
08/12/08	GC-50-01/08	08/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu	131		164.159.945
.....						
			Tổng Cộng		181.794.238.930	181.794.238.930

Biểu 06:**SỔ CÁI**

TK 511

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
.....						
05/12/08	BR10-12-020/08	05/12/08	Mogas 92	131		271.818
05/12/08	BR10-12-021/08	05/12/08	Nhựa đường	131		77.727.273
06/12/08	BR10-12-023/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131		638.181
06/12/08	BR10-12-024/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131		50.926.891
06/12/08	BR10-46/08	06/12/08	Dầu Caltex	131		636.372
06/12/08	BR10-12-025/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131		145.505.405
.....						
			Cộng phát sinh		21.913.025.335	21.913.025.335
			Số dư 31/12/08			

Biểu 07**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

TK 5111 Doanh thu bán hàng hóa

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứ n g	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
.....						
05/12/08	BR10-12-021/08	05/12/08	Nhựa đường	131		77.727.273
06/12/08	BR10-12-023/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131		638.181
06/12/08	BR10-12-024/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131		50.926.891
06/12/08	BR10-46/08	06/12/08	Dầu Caltex	131		636.372
06/12/08	BR10-12-025/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S, Mogas	131		145.505.405
.....						
			Cộng phát sinh		21.566.829.478	21.566.829.478
			Số dư 31/12/08			

Biểu 08:

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Mã sản phẩm: HH079

Tên hàng hóa: Dầu Diesel 0,05%S

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh			Thuế	Tổng tiền thanh toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
1	2	3	4		5	6	7	8	9
.....									
02/12/08	HĐ031540	02/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	60,00	10.636,36	638.182	63.818	702.000
04/12/08	HĐ031542	04/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	60,00	10.636,36	638.182	63.818	702.000
04/12/08	HĐ031434	04/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	13.680,00	10.000,00	136.800.000	13.680.000	150.480.000
06/12/08	HĐ031549	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	4.788,00	10.636,36	50.926.891	5.092.689	56.019.580
06/12/08	HĐ031550	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	13.680,00	10.636,36	145.505.405	14.550.540	160.055.945
10/12/08	HĐ099056	10/12/08	Dầu Diesel 0.05%S	131	4.788,00	10.636,36	50.926.891	5.092.689	56.092.580
.....									
			Cộng		491.914,35		5.677.662.689	567.765.191	6.245.427.880

Biểu 09:

TỔNG HỢP DOANH THU

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế
5111- Doanh thu bán hàng hóa		21.566.829.478	100.680.441.919
.....			
Dầu Diesel 0,25% S	lít	1.192.870.680	40.671.104.107
Dầu Diesel 0,05% S	lít	1.311.741.999	22.391.203.360
Dầu Mazut	Kg	2.601.787.141	21.831.308.051
Dầu nhờn	lít/kg	67.301.413	68.382.229
Mỡ L4	Kg	3.650.000	8.627.272
Nhựa đường	Kg	2.090.556.273	5.177.358.509
Xăng Mogas	lít	962.224.341	9.692.259.512
5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ		346.195.857	680.033.483
Tổng cộng		21.913.025.335	101.360.475.402

Biểu 10:

SỔ CÁI

TK 131

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008		4.734.265.297	
.....						
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	511	50.926.891	
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	3331	5.092.689	
06/12/08	LPR-304-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	1382	1.436.400	
06/12/08	PC-12-23/08	06/12/08	Thu tiền bán dầu theo HĐ 031549	1111		57.455.980
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	511	145.505.405	
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	3331	14.550.540	
06/12/08	LPR-305-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	1382	4.104.000	
.....						
08/12/08	GC-50-01/08	08/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu			164.159.945
.....						
			Cộng phát sinh		24.912.325.607	27.019.699.092
			Số dư 31/12/08		2.626.891.807	

Biểu 11:**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA – TK 131**

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Mã người mua: KH 341

Tên người mua: Công ty CP xây dựng Miền Đông

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư 01/10/08					
01/12/2008	BR10-12-04/08	01/12/2008	Dầu Diesel 0,25%S	5111	55.062.000			
01/12/2008	BR10-12-04/08	01/12/2008	Dầu Diesel 0,25%S	3331	5.506.200			
01/12/2008	LPR-293-98/07	01/12/2008	Lệ phí xăng dầu	1382	1.436.400			
06/12/2008	BR10-12-24/08	06/12/2008	Dầu Diesel 0,05%S	5111	50.926.891			
06/12/2008	BR10-12-24/08	06/12/2008	Dầu Diesel 0,05%S	3331	5.092.689			
06/12/2008	LPR-304-98/07	06/12/2008	Lệ phí xăng dầu	1382	1.436.400			
06/12/2008	PT-12-23/08	06/12/2008	Thu tiền bán dầu theo HD số 0031549	1111		57.455.980		
			Cộng phát sinh		1.021.473.485	1.021.472.485		
			Số dư 31/12/08					

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA – TK 131

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Mã người mua: KH 342

Tên người mua: Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư đầu 01/10/08				124.107.492	
06/12/2008	BR10-12-25/08	06/12/2008	Dầu Diesel 0,05%S, Mogas	511	145.505.405			
06/12/2008	BR10-12-25/08	06/12/2008	Dầu Diesel 0,05%S, Mogas	333	14.550.540			
06/12/2008	LPR-305-98/07	06/12/2008	Lệ phí xăng dầu	138	4.104.000			
08/12/2008	GC-50-01/08	08/12/2008	Chuyển trả tiền mua dầu	112		164.159.945		
31/12/2008	BR10-44/08	31/12/2008	Mogas 92	5111	40.381.830			
31/12/2008	BR10-44/08	31/12/2008	Mogas 92	3331	4.038.183			
31/12/2008	LPR-409-98/07	31/12/2008	Lệ phí xăng dầu	1382	2.047.175			
			Cộng số phát sinh		300.056.571	336.853.185		
			Số dư cuối 31/12/08				87.310.878	

Biểu 12:**SỔ QUỸ TIỀN MẶT VIỆT NAM ĐỒNG**

Từ ngày 01/10/08 đến ngày 31/12/08

Tài khoản: 1111

Tiền Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Số phiếu		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Thu	Chi			Thu	Chi	Tồn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư 01/10/08				319.258.592	
.....								
05/11/08		PC-12-09/08	Tiền nước cửa hàng T10/08	133		1.752	3.142.715.350	
05/11/08		PC-12-09/08	Tiền nước cửa hàng T10/08	6417		40.305	3.142.755.655	
06/12/08	PT-12-21/08		Thu tiền bán dầu theo HĐ số 0031547	131	700.009		2.813.547.359	
06/12/08	PT-12-22/08		Thu tiền theo HĐ số 0031548	131	720.000		2.814.267.359	
06/12/08	PT-12-23/08		Thu tiền theo HĐ số 0031549	131	57.455.980		2.871.723.339	
.....								
			Số dư 31/10/08		29.394.121.138	27.322.595.206	2.390.784.524	

Biểu 13:**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

STT	Mã người mua	Tên người mua	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....								
25	KH 431	Công ty CP xây dựng Miền Đông			1.021.473.485	1.021.472.485		
26	KH 432	Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ	124.107492		300.056.571	336.853.185	87.310.878	
27	KH 433	Công ty TNHH vận tải thủy Hải An			649.999.900	649.999.900		
28	KH 434	Công ty CP Xây dựng Tùng Dương			168.168.000	168.168.000		
29	KH 435	Công ty TNHH vận tải An Trung			105.924.933	105.924.933		
30	KH 436	Công ty TNHH Đức Sơn			248.542.088	189.959.122	58.582.966	
.....								
		Cộng	4.792.848.258	58.582.961	24.912.325.607	27.019.699.092	2.626.921.807	30.000

Biểu 14:**SỔ CÁI**

TK 111

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008		319.258.592	
.....						
05/12/08	PC-12-009/08	30/11/08	Tiền nước cửa hàng T10/08	6417		40.305
05/12/08	PC-12-009/08	30/11/08	Tiền nước cửa hàng T10/08	133		1.752
05/12/08	PC-12-12/08	05/12/08	Trả tiền theo HĐ số 0007424	331		329.868.000
06/12/08	PT-12-021/08	06/12/08	Thu tiền theo HĐ số 0031547	131	700.009	
06/12/08	PT-12-022/08	06/12/08	Thu tiền theo HĐ số 0031548	131	720.000	
06/12/08	PT-12-023/08	06/12/08	Thu tiền theo HĐ số 0031549	131	57.455.980	
.....						
			Cộng phát sinh		29.394.121.138	27.322.595.206
			Số dư 31/12/08		2.390.784.524	

Biểu 15;**SỔ CÁI**

TK 112

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008		306.672.024	
08/12/08	GC-50-01/08	08/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu	131	164.159.945	
11/12/08	GC-51-01/08	11/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu	131	947.532.281	
12/12/08	GN-28-08/08	12/12/08	Trả nợ tiền vay vốn KD	311		2.000.000.000
12/12/08	GN-29-08/08	12/12/08	Trả lãi tiền vay vốn KD món 2 tỷ	635		14.733.333
12/12/08	PT-12-36/08	12/12/08	Thân rút tiền gửi nhập quỹ	1111		1.025.000.000
15/12/08	GC-52-01/08	15/12/08	Chuyển trả tiền V/c, phí tồn chứa	131	375.139.954	
15/12/08	PT-12-42/08	15/12/08	Hùng rút tiền gửi nhập quỹ	1111		370.000.000
.....						
			Cộng phát sinh		8.930.653.603	9.224.865.066
			Số dư cuối 31/12/2008		12.460.561	

Biểu 16:**SỔ CÁI**

TK 333

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứn g	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			(14.531.982)
.....						
05/12/08	BR10-12-19/08	05/12/08	Mogas 92	131		62.728
05/12/08	BR10-12-20/08	05/12/08	Mogas 92	131		27.182
05/12/08	BR10-12-21/08	05/12/08	Nhựa đường	131		7.772.727
06/12/08	BR10-12-23/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131		63.819
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131		5.092.689
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131		14.550.540
.....						
			Cộng phát sinh		2.199.976.754	2.208.270.020
			Số dư 31/12/08		6.238.716	

2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.

- Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh kinh doanh chủ yếu là các loại xăng dầu, vì vậy giá vốn chủ yếu là giá mua và chi phí thu mua các loại xăng dầu.
- Công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

a. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 632 "**Giá vốn hàng bán**". Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán.

- Tài khoản 632 được hoạch toán chi tiết như sau:
 - + TK 6321: Giá vốn hàng hóa.
 - + TK 6323: Giá vốn dịch vụ.

c. Quy trình hạch toán.

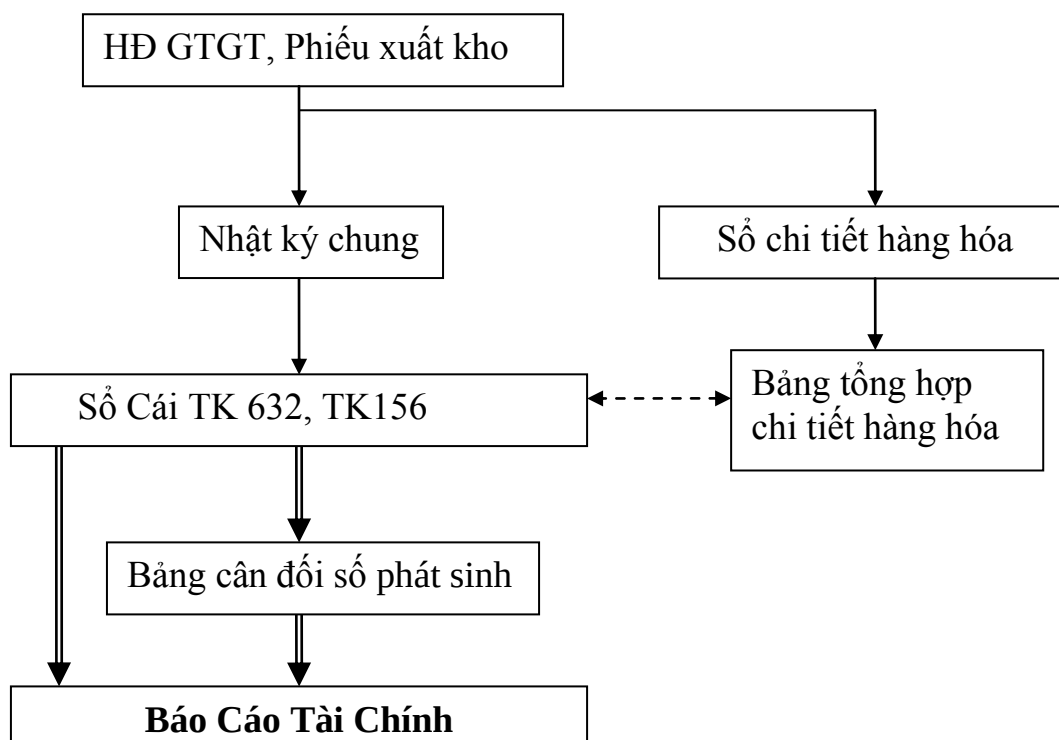
♦ Hạch toán giá vốn hàng bán.

Hàng ngày, căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào Nhật ký chung, Sổ cái TK 632, TK 156, Sổ chi tiết hàng hóa, Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa... và các sổ khác có liên quan.

Cuối quý, kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh được mô tả theo sơ đồ 2.6



Sơ đồ 2.6. Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán

✓ Ví dụ minh họa “ Giá vốn hàng bán “ tại Công ty:

Ngày 06 tháng 12 năm 2008, Công ty CP xây dựng Miền Đông mua 4.788 lít Dầu Diesel 0,05%S cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Từ phiếu xuất kho(Biểu 01), phần mềm kế toán sẽ tự động nhập số liệu vào Nhật ký chung (Biểu 02), Sổ cái TK 632 (Biểu 03), Sổ Cái TK 156 (Biểu 04), Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 05), Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 06).

Biểu 01:

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: Số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Mã số thuế: 0200425948.

Mẫu số 01 VT QĐ số 48 TC/CĐKT

ngày 14-09-2006 của Bộ trưởng BTC

Số: P XK-12-24/08

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2008.

Nợ TK 632: 53.066.380 đồng

Người nhận hàng: Công ty CP xây dựng Miền Đông.

Có TK 156: 53.066.380 đồng

Địa chỉ: D201 số 275 Lạch Tray- Ngô Quyền - HP.

Theo HĐ số 0031549 ngày 06 tháng 12 năm 2008.

Xuất tại kho.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Dầu Diezel 0,05%S	HH079	lít		4.788	11.083,204	53.066.380
Tổng số					4.788		53.066.380

Số tiền bằng chữ: Năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng!

Ngày 06 tháng 12 năm 2008

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Phụ trách cung tiêu	Người giao hàng	Thủ kho
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 02:**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2008

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
.....						
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	632	53.066.380	
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	156		53.066.380
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	56.019.580	
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	511		50.926.891
06/12/08	BR10-12-24/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	333		5.092.689
06/12/08	LPR-304-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	131	1.436.400	
06/12/08	LPR-304-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	138		1.436.400
06/12/08	PC-12-23/08	06/12/08	Thu tiền bán dầu theo HĐ số 0031549	111	57.455.980	
06/12/08	PC-1223/08	06/12/08	Thu tiền bán dầu theo HĐ số 0031549	131		57.455.980
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S	131	160.055.945	
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S, Mogas	511		145.505.405
06/12/08	BR10-12-25/08	06/12/08	Dầu Diesel 0,05%S, Mogas	333		14.550.540
06/12/08	LPR-305-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	131	4.104.000	
06/12/08	LPR-305-98/07	06/12/08	Lệ phí xăng dầu	138		4.104.000
.....						
08/12/08	GC-50-01/08	08/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu	112	164.159.945	
08/12/08	GC-50-01/08	08/12/08	Chuyển trả tiền mua xăng dầu	131		164.159.945
.....						
			Tổng Cộng		181.794.238.930	181.794.238.930

Biểu 03:**SỔ CÁI**

TK 632

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
.....						
05/12/08	PXK-12-19/08	05/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031545	1561	730.494	
05/12/08	PXK-12-20/08	05/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031546	1561	316.547	
05/12/08	PXK-12-21/08	05/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031547	1561	69.715.190	
06/12/08	PXK-12-23/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031548	1561	664.992	
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	1561	53.066.380	
.....						
			Cộng phát sinh		21.087.160.568	21.087.160.568
			Số dư 31/12/08			

Biểu 04:**SỔ CÁI**

TK 156

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008		5.741.642.228	
.....						
05/12/08	PXK-12-19/08	05/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031545	6321	730.494	
05/12/08	PXK-12-20/08	05/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031546	6321	316.547	
05/12/08	PXK-12-21/08	05/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031547	6321	69.715.190	
06/12/08	PXK-12-23/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031548	6321	664.992	
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	6321	53.066.380	
.....						
			Cộng phát sinh		20.089.901.005	21.183.624.906
			Số dư 31/12/08		4.647.918.327	

Biểu 05:

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 1561 Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Tài khoản: 1561 Tên kho:

Mã hàng hóa: HH079

Tên vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa): Dầu Diezel 0,05%S

Đơn vị: lít

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11
		Tồn ngày 01/10/08	8.596,00					593,49	5.101.640.04
PXK-12-13/08	04/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031434	11.083,20			13.680,00	151.618.229	7.873,15	334.947.353
PXK-12-16/08	04/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031542	11.083,20			60,00	664.992	7.813,15	334.282.361
MV10-12-10/08	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	9.727	9.253,00	90.003.931			17.066,15	424.286.292
PXK-12-23/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031548	11.083,20			60,00	664.992	17.006,15	423.621.300
PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	11.083,20			4.788,00	53.066.380	12.218,15	370.554.920
		Cộng	11.083,15	533.904	5.918.840.941	495.850,35	5.495.610.521	38.647,14	428.332.060

Biểu 06:

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

TK: 156 Hàng hóa

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

STT	Mã sản phẩm	Tên quy cách vật liệu, hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	HH 079	Dầu Diezel 0,05%S	593,49	5.101.640,04	533.904	5.918.840.941	495.850,35	5.495.610.521	38.647,14	428.332.060
		Cộng	593,49	5.101.640,04	533.904	5.918.840.941	495.850,35	5.495.610.521	38.647,14	428.332.060

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Chứng từ sử dụng.

- HĐ GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ.
- Các chứng từ khác có liên quan,

b. Tài khoản sử dụng.**♦ Tài khoản 641 " Chi phí bán hàng ".**

- Tài khoản 641 được hạch toán chi tiết như sau:
 - + TK 6411: Chi phí nhân viên.
 - + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
 - + TK 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
 - + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6415: Chi phí bảo hành.
 - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

♦ Tài khoản 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp ".

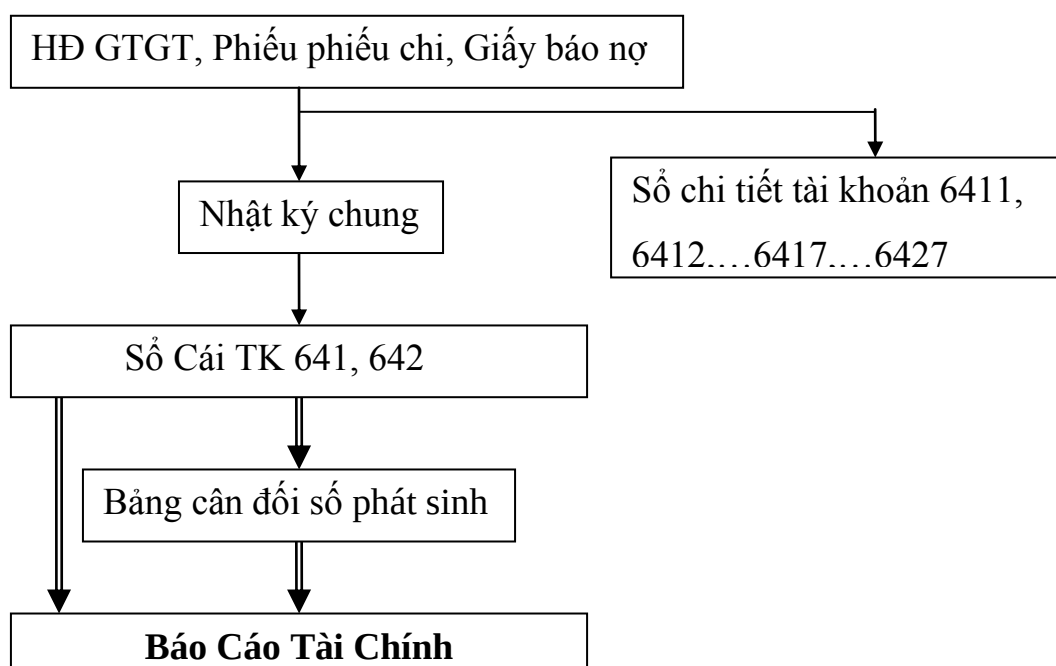
- Tài khoản 642 được hạch toán chi tiết như sau:
 - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng.
 - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

c. Quy trình hạch toán.

♦ Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chứng từ, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi tiết Tài khoản 641, Sổ chi tiết TK 642, Sổ cái Tài khoản 641, Sổ cái TK 642 và các tài khoản khác có liên quan. Cuối quý, kế toán thực hiện thao tác khóa Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm, kế toán căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh được mô tả theo sơ đồ 2.7



2.7. Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

✓ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 16 tháng 12 năm 2008, Căn cứ vào HĐ số 2462650 (Biểu 01) thanh toán tiền điện T11/2008 phục vụ bộ phận bán hàng cho Công ty TNHH MTV Điện lực HP, kế toán lập phiếu chi số PC-12-25/08 (Biểu 02)

Ví dụ 2: Ngày 15 tháng 12 năm 2008, Căn cứ vào HĐ số 261821 (Biểu 03), thanh toán tiền cước viễn thông T11/2008 phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp cho Công ty thông tin di động, kế toán lập phiếu chi số PC -12-24/08 (Biểu 04)

Căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu chi phát sinh phần mềm kế toán sẽ tự động nhập số liệu vào Nhật ký chung (Biểu 05), Sổ chi tiết TK 641 (Biểu 06), Sổ cái TK 641 (Biểu 07), Sổ chi tiết TK 642 (Biểu 08), Sổ cái TK 642 (Biểu 09).

Biểu 01:

Mẫu EVN -2

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT**EVN**

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ký hiệu:

AA/2008T

Số: 2462650

Công ty TNHH MTV điện lực HP

Kỳ: 4 từ ngày 16/11 đến ngày

15/11/2008

Điện lực: Kiến An.

MST: 0200340211-005 Phiên: 4

Địa chỉ: 1282 Trần Nhân Tông

Số GCS KA008-004 Số hộ: 1.

Điện thoại: 0313211281

Tài khoản 109.20118752.015 CN

TechcombankHP

Tên và địa chỉ khách hàng: Cty CP Dầu khí Trường Anh số 939 đường 5 cũ

MSTKH: 0200425948

Mã KH: 901055225 Số C.tơ: 000401.

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền	
4820	4512	1	308			
Ngày: 17/11/2008 TUQ Giám Đốc Vũ Xuân Hòa		Trong đó:	50	600	30.000	
			50	865	43.250	
			50	1135	56.750	
			50	1495	74.750	
			100	1620	162.000	
			8	1740	13.920	
		Cộng	308		380.670	
		Thuế suất GTGT: 10%. Thuế GTGT				38.067
		Tổng cộng tiền thanh toán				418.737
Số viết bằng chữ: Bốn trăm mười tám nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng.						

Biểu 02:

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh

Quyển số:

Mẫu số 02-TT

Số 939 đường 5 cũ Hùng Vương-

PHIẾU CHI Số: PT-12-25/08

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng- HP.

Ngày 16 tháng 12 năm 2008

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Điện thoại: 031.353.8668

Nợ 641 380.670 đồng

133 38.067 đồng

Có 1111 418.737 đồng

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH MTV điện lực HP

Địa chỉ: số 1282 – Trần Nhân Tông – Kiến An - HP.

Lý do chi: Thanh toán tiền điện.

Số tiền: 418.737

Bằng chữ: Bốn trăm mười tám ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng!

Kèm theo chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày 16 tháng 12 năm 2008

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 03: VMS

HÓA ĐƠN (GTGT)

mobifone

CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG

BILL(VAT)

TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V

Liên 2: Giao cho khách hàng

VIETNAM MOBILE TELECOM SERVICE CO. CENTER V

Mẫu số: 01 GTKT-2LN-09

Địa chỉ: Số 8 Lô 28A- Đường Lê Hồng Phong – Hải Phòng

Ký hiệu: MG/2008T

Tel: 18001090 Fax: 3558869

Số : 261821

MS: 0100686209084

Tên khách hàng(Sub name): Trần Văn Hùng.

Địa chỉ(Address): số 41 An Tràng – Trường Sơn – An Lão – HP.

Số thuê bao(Sub No): 904669146

Mã khách hàng(Customer Code):

Cước từ ngày(Charging from): 01/11/2008 đến ngày(to): 30/11/2008.

Khoản	(Item)	Số tiền(Amount)
Cước dịch vụ thông tin di động	(Mobile phone service charges)	413.992
Cộng tiền (1)	(Total)	413.992
Thuế suất GTGT 10% × (1) = Tiền thuế GTGT (2)	(Value Added Tax):	41.399
Tổng cộng tiền thanh toán (3) = (1) + (2)	(Group total):	455.391
Số tiền bằng chữ(Sum in words):		
Bốn trăm lẻ mười năm ngàn ba trăm chín mươi một đồng!		

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Người nộp tiền

Nhân viên giao dịch

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 04:

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh

Quyển số:

Mẫu số 02-TT

Số 939 đường 5 cũ Hùng Vương-

PHIẾU CHI Số: PC-12-24/08

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng- HP.

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Điện thoại: 031.353.8668

Nợ 642 413.992 đồng

133 41.399 đồng

Có 1111 455.391 đồng

Họ tên người nhận tiền: Công tin thông tin di động.

Địa chỉ: Số 8 Lô 28A – Đường Lê Hồng Phong – Hải Phòng.

Lý do chi: Trả tiền cước viễn thông

Số tiền: 455.391

Bằng chữ: Bốn trăm lăm mươi năm ngàn ba trăm chín mươi một đồng!

Kèm theo chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 05:

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số trang trước chuyển sang			
.....						
15/12/08	PT-12-41/08	15/12/08	Hùng thu tiền bán xăng dầu	111	96.033.000	
15/12/08	PT-12-41/08	15/12/08	Hùng thu tiền bán xăng dầu	131		96.033.000
15/12/08	PT-12-42/08	15/12/08	Hùng rút tiền gửi nhập quỹ	111	370.000.000	
15/12/08	PT-12-42/08	15/12/08	Hùng rút tiền gửi nhập quỹ	112		370.000.000
15/12/08	PC-12-24/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	642	413.992	
15/12/08	PC-12-24/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	133	41.399	
15/12/08	PC-12-24/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	111		455.391
15/12/08	PC-12-27/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	642	53.636	
15/12/08	PC-12-27/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	133	5.363	
15/12/08	PC-12-27/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	111		58.999
16/12/08	PC-12-25/08	16/12/08	Tiền điện cửa hàng T11/2008	641	380.670	
16/12/08	PC-12-25/08	16/12/08	Tiền điện cửa hàng T11/2008	133	38.067	
16/12/08	PC-12-25/08	16/12/08	Tiền điện cửa hàng T11/2008	111		418.737
.....						
			Cộng cuối năm		181.794.238.930	181.794.238.930

Biểu 06:**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/08

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
.....						
05/12/08	PC-12-07/08	30/11/08	Tiền nước cửa hàng T10/2008	1111	40.305	
10/12/08	PC-12-15/08	10/12/08	Phí đăng kiểm tàu HP2736	1111	400.952	
13/12/08	PC-12-16/08	13/12/08	Cước viễn thông T11/2008	1111	352.241	
13/12/08	PC-12-17/08	13/12/08	Tiền nước cửa hàng T11/2008	1111	65.496	
15/12/08	PC-12-20/08	15/12/08	Tiền điện thoại T11/2008	1111	80.413	
16/12/08	PC-12-25/08	16/12/08	Tiền điện cửa hàng T11/2008	1111	380.670	
.....						
			Cộng phát sinh		49.226.826	49.226.826
			Số dư 31/12/2008			

Biểu 07:**SỔ CÁI**

TK 641

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
.....						
05/12/08	PC-12-07/08	05/12/08	Tiền nước cửa hàng T10/2008	1111	40.305	
10/12/08	PC-12-15/08	10/12/08	Phí đăng kiểm tàu HP2738	1111	400.952	
13/12/08	PC-12-16/08	13/12/08	Cước viễn thông T11/2008	1111	352.241	
13/12/08	PC-12-17/08	13/12/08	Tiền nước cửa hàng T11/2008	1111	65.496	
15/12/08	PC-12-20/08	15/12/08	Thanh toán tiền điện thoại T11/08	1111	80.413	
16/12/08	PC-12-25/08	16/12/08	Tiền điện cửa hàng T11/2008	1111	380.670	
.....						
			Cộng phát sinh		430.716.980	430.716.980
			Số dư 31/12/2008			

Biểu 08:**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
01/12/08	PC-12-02/08	29/10/08	Modem nối mạng internet	1111	863.636	
05/12/08	TH-12-01/08	05/12/08	Điều chỉnh cước di động T7/2006	242	4.766.367	
13/12/08	PC-12-16/08	13/12/08	Cước viễn thông T11/2008	1111	964.232	
15/12/08	PC-12-18/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/2008	1111	53.636	
15/12/08	PC-12-19/08	15/12/08	Thanh toán tiền xăng xe con đi công tác	1111	461.045	
15/12/08	PC-12-24/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/2008	1111	413.992	
			Cộng phát sinh		79.487.863	79.487.863
			Số dư 31/12/2008			

Biểu 09:**SỔ CÁI**

TK 642

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
01/12/08	PC-12-02/08	01/12/08	Modem nối mạng internet	1111	863.636	
05/12/08	TH-12-01/08	05/12/08	Điều chỉnh cước di động T7/08 hạch toán nhằm vào TK 242	242	4.766.367	
13/12/08	PC-12-16/08	13/12/08	Cước viễn thông T11/2008	1111	964.232	
15/12/08	PC-12-18/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	1111	53.636	
15/12/08	PC-12-19/08	15/12/08	Thanh toán tiền xăng xe con đi công tác	1111	461.045	
15/12/08	PC-12-24/08	15/12/08	Cước viễn thông T11/08	1111	413.992	
			Cộng phát sinh		196.006.294	196.006.294
			Số dư 31/10/2008			

2.2.4. Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty.

a. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 515 " **Doanh thu hoạt động tài chính** ". Tài khoản này dùng để phản ánh tổng giá trị các lợi ích kinh tế Doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

c. Quy trình hạch toán.

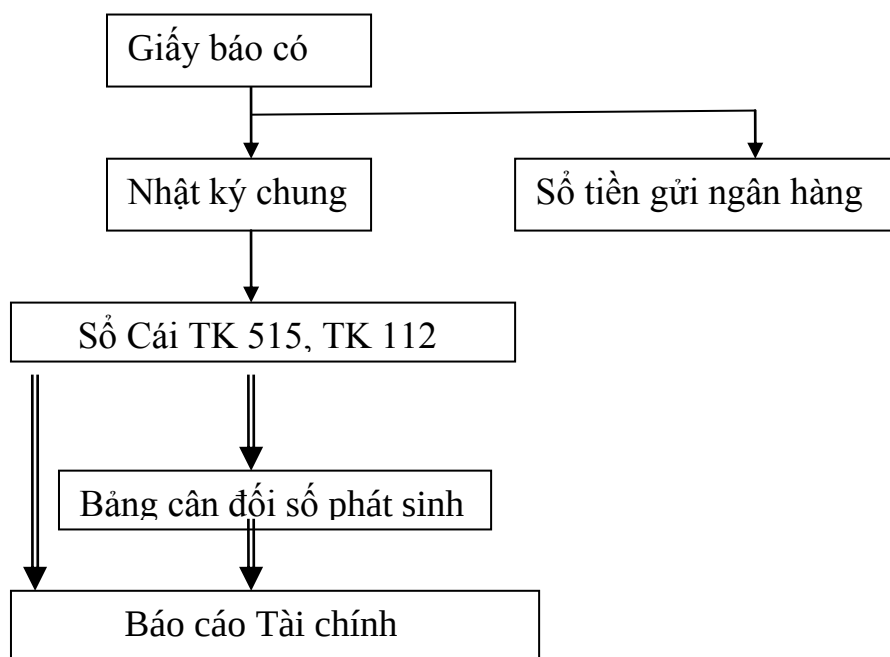
♦ Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

- Hàng ngày, căn cứ vào giấy báo có và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào Sổ cái TK 515, TK 112... và các sổ khác có liên quan.

- Cuối quý, kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh được mô tả theo sơ đồ 2.8



2.8. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

✓Ví dụ minh họa:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng gửi Giấy báo lãi(biểu 01) cho công ty thông báo về số tiền lãi Công ty nhận được trong quý 4.

Căn cứ vào Giấy báo lãi kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động nhập số liệu vào Nhật ký chung (Biểu 02), Sổ Cái TK 515 (Biểu 03), Sổ Cái TK 112 (Biểu 04), Sổ tiền gửi ngân hàng bằng Việt Nam đồng (Biểu 05).

Biểu 01:

TECHCOMBANK KIẾN AN

GIẤY BÁO LÃI

Từ ngày 01/10/2008 đến hết ngày 31/12/2008

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/12/2008 tài khoản số: 10920318668019 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất(%/năm): 12%

Số tiền lãi: 866.469 đồng

Ngân hàng Techcombank

Kính báo.

Biểu 02:**NHẬT KÝ CHUNG**

Quý 4 Năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
.....						
31/12/08	GC-58-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi T12/08	112	866.469	
31/12/08	GC-58-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi T12/08	515		866.469
31/12/08	GC-62-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi T12/08	112	34.500	
31/12/08	GC-62-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi T12/08	515		34.500
31/12/08	GC-64-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi T12/08	112	7.431	
31/12/08	GC-64-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi T12/08	515		7.431
.....						
			Tổng Cộng		181.794.238.930	181.794.238.930

Biểu 03:**SỔ CÁI**

TK 515

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
31/12/08	GC-58-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi quý 4	1121		866.469
31/12/08	GC-62-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi quý 4	1121		34.500
31/12/08	GC-64-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi quý 4	1121		7.431
31/12/08	KC 8815	31/12/08	Kết chuyển doanh thu tài chính kỳ 4	9112	20.694.452	
31/12/08	TH-60-01/08	31/12/08	Nhập lãi số dư nợ tiền mua hàng	131		19.816.052
			Cộng phát sinh		20.724.452	20.724.452
			Số dư 31/12/08			

Biểu 04:**SỔ CÁI**

TK 112

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008		306.672.024	
.....						
29/12/08	GC-57-01/08	29/12/08	Trả tiền mua xăng dầu qua NH	131	300.000.000	
31/12/08	GC-58-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi quý 4	515	866.469	
31/12/08	GC-62-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi quý 4	515	34.500	
31/12/08	GC-64-01/08	31/12/08	Nhập lãi tiền gửi quý 4	515	7.431	
31/12/08	PT-12-110/08	31/12/08	Hùng rút tiền gửi nhập quỹ	1111		320.000.000
			Cộng phát sinh		8.930.653.603	9.224.865.066
			Số dư 31/12/08		12.460.561	

Biểu 05:**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG BẰNG VIỆT NAM ĐỒNG**

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Số hiệu tài khoản: 1121 Loại tiền gửi: VNĐ Ngân hàng: Maritime

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư 01/10/2008				302.473.087	
.....								
24/12/2008	PT-12-080/08	24/12/2008	Hùng rút tiền gửi nhập quỹ	1111		300.000.000	8.667.633	
26/12/2008	GC-12-007/08	26/12/2008	Trả tiền mua xăng dầu qua ngân hàng	131	16.709.964		25.377.597	
29/12/2008	GC-12-008/08	29/12/2008	Chuyển trả tiền mua xăng dầu qua ngân hàng	131	300.000.000		325.377.597	
31/12/2008	GC-58-01/08	31/12/2008	Mhập lãi tiền gửi T12/2008	515	866.469		326.244.066	
31/12/2008	PT-12-120/08	31/12/2008	Hùng rút tiền gửi nhập quỹ	1111		320.000.000	6.244.066	
			Cộng phát sinh		6.813.369.379	7.109.598.400		
			Số dư 31/12/2008				6.244.066	

2.2.5. Chi phí tài chính tại Công ty.

a. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 635 " **Chi phí tài chính** ". Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản lãi vay vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

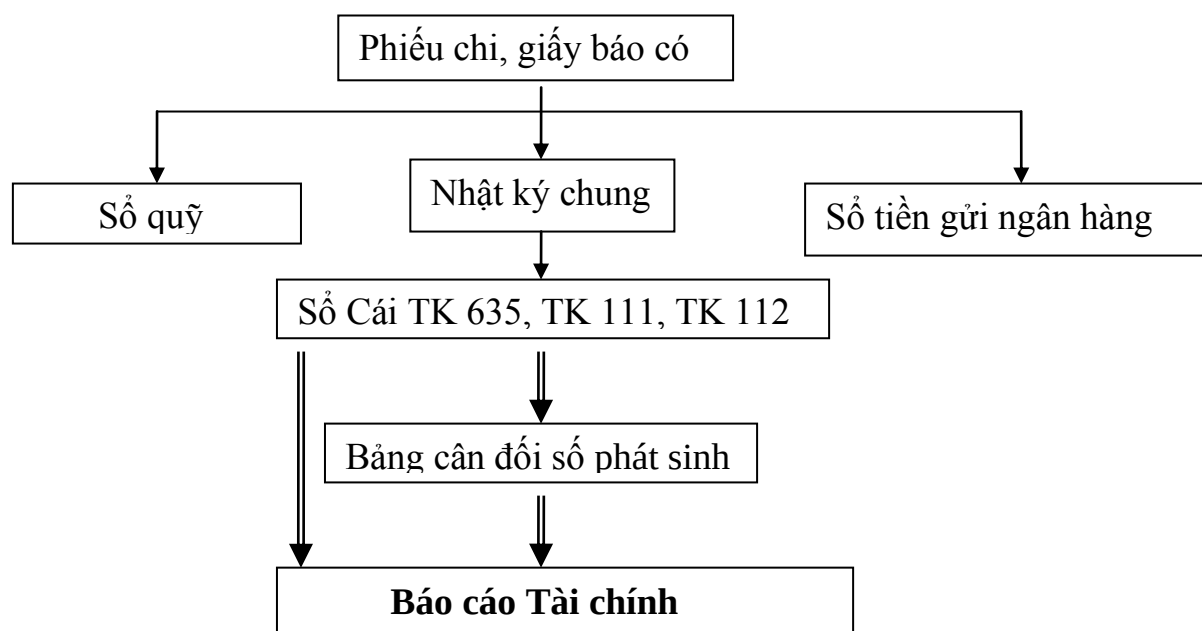
c. Quy trình hạch toán.

♦ Hạch toán chi phí tài chính

Căn cứ vào phiếu chi, giấy báo nợ...kế toán nhập số liệu vào phần mềm. sẽ tự động ghi vào Nhật ký chung, Sổ cái TK 635, Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 112... Định kỳ, kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, kế toán lập Báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh được mô tả theo sơ đồ 2.8



2.9. Quy trình ghi sổ kế toán chi phí tài chính.

✓ **Ví dụ minh họa:** Ngày 30 tháng 12 năm 2008, Công ty trả tiền lãi của số tiền vay 1 tỷ cho ông Lê Xuân Hải. Kế toán lập phiếu chi (Biểu 01), phần mềm kế toán sẽ tự động nhập số liệu vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 02), Sổ cái TK 635 (Biểu 03)

Biểu 01:

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh

Quyển số:

Mẫu số 02-TT

Số 939 đường 5 cũ Hùng Vương-

PHIẾU CHI

Số: PT-12-30/08

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hong Bàng- HP.

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) Điện

thoại: 031.353.8668

Nợ 635 56.875.000 đồng

Có 1111 56.875.000 đồng

Họ tên người nhận tiền: Lê Xuân Hải.

Địa chỉ: số 41- Văn Đẩu - Kiến An - HP.

Lý do chi: Trả lãi tiền vay vốn kinh doanh

Số tiền: 56.875.000

Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi năm ngàn đồng chẵn!

Kèm theo chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Bạch Thị Hào	Trần Thị Kim Chung	Hồ Thị Thân	Trần Thị Xuân	Lê Xuân Hải

Biểu 02:**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2008

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
.....						
30/12/08	PC-100-59/08	30/12/08	Trả lãi món vay 5 trăm triệu	635	2.916.667	
30/12/08	PC-100-59/08	30/12/08	Trả lãi món vay 5 trăm triệu	111		2.916.667
30/12/08	PC-100-60/08	30/12/08	Trả lãi món vay 1 tỷ	635	17.866.667	
30/12/08	PC-100-60/08	30/12/08	Trả lãi món vay 1 tỷ	111		17.866.667
30/12/08	PC-12-30/08	30/12/08	Trả lãi tiền vay vốn KD	635	56.875.000	
30/12/08	PC-12-30/08	30/12/08	Trả lãi tiền vay vốn KD	111		56.875.000
.....						
			Cộng cuối năm		181.794.238.930	181.794.238.930

Biểu 03:**SỔ CÁI**

TK 635

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
12/12/08	GN-29-008/08	12/12/08	Trả lãi tiền vay vốn KD món 2 tỷ	1121	14.733.333	
30/12/08	PC-100-059/08	30/12/08	Trả lãi món vay 5 trăm triệu	1111	2.916.667	
30/12/08	PC-100-60/08	30/12/08	Trả lãi món vay 1 tỷ	1111	17.866.667	
30/12/08	PC-12-030/08	30/12/08	Trả lãi tiền vay vốn KD(Lê Xuân Hải)	1111	56.875.000	
31/12/08	KC8813	31/12/08	Kết chuyển chi phí tài chính kỳ 4	9112		272.557.700
.....						
			Cộng phát sinh		272.557.700	272.557.700
			Số dư 31/12/08			

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh chủ yếu kinh doanh xăng dầu nên kết quả kinh doanh chủ yếu của Công ty là từ hoạt động kinh doanh các loại xăng dầu.

Nội dung kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh.

Kết quả		Doanh		Giá vốn		Chi phí		Chi phí
hoạt động	=	thu	-	hàng bán	-	bán hàng	-	quản lý
kinh doanh		thuần						doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác.

Nhưng trong năm 2008, Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh không phát sinh các khoản thu nhập khác hay chi phí khác.

Số liệu kết quả kinh doanh mang tính chất kế thừa, tổng hợp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó, vì thế để đảm bảo thông tin chính xác kế toán phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí.

a. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng.

♦ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 911 được hạch toán chi tiết như sau:

- + TK 9111: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh.
- + TK 9112: Lợi nhuận hoạt động tài chính.
- + TK 9113: Lợi nhuận hoạt động khác.

♦ TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

♦ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

♦ Các tài khoản khác liên quan.

c. Quy trình hạch toán.

Ngày 31 tháng 12 năm 2008, kế toán khoá sổ kế toán, máy tính sẽ tự thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định các kết quả kinh doanh

- Kết chuyển doanh thu bán hàng:

Nợ TK 511 : 21.913.025.335

Có TK 911: 21.913.025.335

- Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911 :21.087.160.568

Có TK 632:21.087.160.568

- Kết chuyển chi phí bán hàng:

Nợ TK 911 :430.716.980

Có TK 641:430.716.980

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 911 :196.006.294

Có TK 642:196.006.294

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.

Nợ TK 515 :20.724.452

Có TK 911:20.724.452

- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính:

Nợ TK 911 :272.557.700

Có TK 635:272.557.700

- Kết chuyển lỗ hoạt động tài chính:

Nợ TK 911 :251.833.248

Có TK 4212:251.833.248

- Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp kỳ 4:

Nợ TK 911 :17.413.866

Có TK 821:17.413.866

- Kết chuyển lãi hoạt động kinh doanh kỳ 4:

Nợ TK 911 :181.727.627

Có TK 4211:181.727.627

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8912

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển giá vốn hàng hóa kỳ 4.

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
6321	Giá vốn hàng hóa		21.014.863.664
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	21.014.863.664	

Số tiền: 21.014.863.664

Bằng chữ: Hai mươi một tỷ không trăm mười bốn triệu tám sáu mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc.

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8918

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
5111	Doanh thu bán hàng hóa	21.566.829.478	
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		21.566.829.478

Số tiền: 21.566.829.478

Bằng chữ: Hai mươi một tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc.

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8919

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu dịch vụ kỳ 4.

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
5113	Doanh thu dịch vụ	346.195.857	
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		346.195.857

Số tiền: 346.195.857

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi năm ngàn tám trăm lăm mươi bảy đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc.

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8920

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển giá vốn dịch vụ kỳ 4.

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
6323	Giá vốn dịch vụ		72.296.904
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	72.296.904	

Số tiền: 72.296.904

Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm linh bốn đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc.

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8928

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
6411	Chi phí nhân viên		162.611.000
6412	Chi phí vật liệu, bao bì		146.504.644
6413	Chi phí dụng cụ, đồ dùng		4.105.094
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ		27.402.146
6415	Chi phí bảo hành		25.583.336
6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài		49.226.826
6418	Chi phí bằng tiền khác		15.283.934
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	430.716.980	

Số tiền: 430.716.980

Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi ba triệu bảy trăm mười sáu ngàn chín trăm tám mươi đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc.

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8946

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển chi phí tài chính kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
635	Chi phí tài chính		272.557.700
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	272.557.700	

Số tiền: 272.557.700

Bằng chữ: Hai trăm bảy hai triệu năm trăm lăm mươi bảy ngàn bảy trăm đồng.

Kèm theo.....chứng từ

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8949

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
6421	Chi phí nhân viên quản lý		96.419.500
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ		18.171.365
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài		79.487.863
6428	Chi phí bằng tiền khác		1.927.566
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	196.006.294	

Số tiền: 196.006.294

Bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm linh sáu ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng..

Kèm theo.....chứng từ gốc.

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8963

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu tài chính kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
515	Doanh thu tài chính	20.724.452	
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		20.724.452

Số tiền: 20.724.452

Bằng chữ: Hai mươi triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng..

Kèm theo.....chứng từ

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8964

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
4212	Lợi nhuận hoạt động tài chính	251.833.248	
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		251.833.248

Số tiền: 251.833.248

Bằng chữ: Hai trăm lăm mươi một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng.

Kèm theo.....chứng từ

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8965

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
821	Thuế thu nhập doanh nghiệp		17.413.866
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		

Số tiền: 17.413.866

Bằng chữ: Mười bảy triệu bốn trăm mười ba ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng..

Kèm theo.....chứng từ

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số: KC8966

Đối tượng: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Địa chỉ: số 939 đường 5 cũ Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.

Diễn giải: Kết chuyển lợi nhuận hoạt động kinh doanh kỳ 4

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
4211	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		181.727.627
9111	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	181.727.627	

Số tiền: 181.727.627

Bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng..

Kèm theo.....chứng từ

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

(Trích tháng 12 năm 2008)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số trang trước chuyển sang			
31/12/08	KC8912	31/12/08	Kết chuyển giá vốn hàng bán kỳ 4	9111	21.014.863.664	
31/12/08	KC8912	31/12/08	Kết chuyển giá vốn hàng bán kỳ 4	6321		21.014.863.664
31/12/08	KC8918	31/12/08	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa kỳ 4	5111	21.566.829.478	
31/12/08	KC8918	31/12/08	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa kỳ 4	9111		21.566.829.478
31/12/08	KC8919	31/12/08	Kết chuyển doanh thu dịch vụ kỳ 4	5113	346.195.857	
31/12/08	KC8919	31/12/08	Kết chuyển doanh thu dịch vụ kỳ 4	9111		346.195.857
31/12/08	KC8920	31/12/08	Kết chuyển giá vốn dịch vụ kỳ 4	9111	72.296.904	
31/12/08	KC8920	31/12/08	Kết chuyển giá vốn dịch vụ kỳ 4	6323		72.296.904
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	162.611.000	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6411		162.611.000
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	146.504.644	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6412		146.504.644
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	4.105.094	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6413		4.105.094
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	27.402.146	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6414		27.402.146
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	25.583.336	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6415		25.583.336
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	49.226.826	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6417		49.226.826
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	9111	15.283.934	
31/12/08	KC8928	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6418		15.283.934
31/12/08	KC8946	31/12/08	Kết chuyển chi phí tài chính kỳ 4	9111	272.557.700	
31/12/08	KC8946	31/12/08	Kết chuyển chi phí tài chính kỳ 4	635		272.557.700
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	9111	96.419.500	
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	6421		96.419.500
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	9111	18.171.365	
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	6424		18.171.365
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	9111	79.487.863	
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	6427		79.487.863
31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	9111	1.927.566	

31/12/08	KC8949	31/12/08	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ 4	9428		1.927.566
31/12/08	KC8963	31/12/08	Kết chuyển doanh thu tài chính kỳ 4	515	20.724.452	
31/12/08	KC8963	31/12/08	Kết chuyển doanh thu tài chính kỳ 4	911		20.724.452
31/12/08	KC8964	31/12/08	Kết chuyển lợi nhuận HĐTC kỳ 4	4212	251.833.248	
31/12/08	KC8964	31/12/08	Kết chuyển lợi nhuận HĐTC kỳ 4	911		251.833.248
31/12/08	KC8965	31/12/08	Kết chuyển thuế TNDN trong kỳ 4	911	17.413.866	
31/12/08	KC8965	31/12/08	Kết chuyển thuế TNDN trong kỳ 4	821		17.413.866
31/12/08	KC8966	31/12/08	Kết chuyển lợi nhuận HĐKD kỳ 4	911	181.727.627	
31/12/08	KC8966	31/12/08	Kết chuyển lợi nhuận HĐKD kỳ 4	4211		181.727.627
			Cộng cuối năm		181.794.238.930	181.794.238.930

SỔ CÁI

TK 911

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			
31/12/08	KC8810	31/12/08	Kết chuyển giá vốn hàng bán kỳ 4	6321	21.014.863.664	
31/12/08	KC8818	31/12/08	Kết chuyển giá vốn dịch vụ kỳ 4	6323	72.296.904	
31/12/08	KC8813	31/12/08	Kết chuyển chi phí tài chính kỳ 4	635	272.557.700	
31/12/08	KC8811	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6411	162.611.000	
31/12/08	KC8811	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6412	146.504.644	
31/12/08	KC8811	31/12/08	Kết chuyển chi phí bán hàng kỳ 4	6413	4.105.094	
31/12/08	KC8811	31/12/08	K/c chi phí bán hàng kỳ 4	6414	27.402.146	
31/12/08	KC8811	31/12/08	K/c chi phí bán hàng kỳ 4	6415	25.583.336	
31/12/08	KC8811	31/12/08	K/c chi phí bán hàng kỳ 4	6417	49.226.826	
31/12/08	KC8811	31/12/08	K/c chi phí bán hàng kỳ 4	6418	15.283.934	
31/12/08	KC8814	31/12/08	K/c chi phí QLDN kỳ 4	6421	96.419.500	
31/12/08	KC8814	31/12/08	K/c chi phí QLDN kỳ 4	6424	18.171.365	
31/12/08	KC8814	31/12/08	K/c chi phí QLDN kỳ 4	6427	79.487.863	
31/12/08	KC8814	31/12/08	K/c chi phí QLDN kỳ 4	6428	1.927.566	
31/12/08	KC8816	31/12/08	K/c doanh thu bán hàng hoá kỳ 4	5111		21.566.829.478
31/12/08	KC8817	31/12/08	K/c doanh thu dịch vụ kỳ 4	5113		346.195.857
31/12/08	KC8815	31/12/08	K/c doanh thu tài chính kỳ 4	515		20.724.452
31/12/08	KC8964	31/12/08	K/c lợi nhuận hoạt động TC	4212		251.833.248
91/12/08	KC8965	91/12/08	K/c thuế thu TNDN trong kỳ 4	821	17.413.866	
31/12/08	KC8966	31/12/08	K/c lợi nhuận hoạt động KD kỳ 4	4211	181.727.627	
			Cộng phát sinh		22.185.583.035	22.185.583.035
			Số dư 31/12/2008			

SỔ CÁI

TK 821

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008		3.120.600	0
31/12/08	KC8965	31/12/08	K/c thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ 4	9111	0	17.413.866
31/12/05	TH-12- 005/08	31/12/05	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý 4/2008	3334	6.000.000	0
31/12/08	TH-12- 009/08	31/12/08	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo quyết toán năm 2008	3334	8.293.266	
			Cộng phát sinh		14.293.266	17.413.866
			Số dư 31/12/2008			

SỔ CÁI

TK 421

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư 01/10/2008			96.934.012
31/12/08	KC8821	31/12/08	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính kỳ 4	9112	251.833.248	
31/12/08	KC8824	31/12/08	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động kinh doanh kỳ 4	9111		181.727.627
			Cộng phát sinh		251.833.248	181.727.627
			Số dư 31/12/2008			24.905.122

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ TRƯỜNG ANH

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

- Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa sản xuất kinh doanh, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường cũng như hàng ngũ các doanh nghiệp hiện nay.

- Công ty đã giải quyết nhiều việc làm cho toàn bộ công nhân viên đóng góp đáng kể cho Ngân sách Nhà nước và tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Để đạt được thành tích như vậy là nhờ Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực, trình độ đạo đức, tác phong tốt, có thể đảm đương mọi nhiệm vụ phù hợp với khả năng của mình.

- Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng nâng cao trình độ công nhân, bằng việc không ngừng nâng cao bồi dưỡng các nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực xăng dầu, điều này đã giúp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty làm việc nhanh nhạy, phát huy được khả năng của mình.

- Để có thể tồn tại và ngày càng phát triển các doanh nghiệp phải không ngừng nghiên cứu, học hỏi và sáng tạo tìm ra cho bản thân doanh nghiệp những chiến lược kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đối với doanh nghiệp thương mại cần phải xác định kỹ thị trường tiêu thụ sản phẩm để từ đó có những biện pháp tiêu thụ hàng một cách tốt nhất. Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh kinh doanh chủ yếu là các loại xăng dầu, đây là một trong những mặt hàng thiết yếu của xã hội hiện nay, vì vậy trong thời gian hơn 8 năm hoạt động kinh doanh Công ty đã không ngừng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

3.1.1. Ưu điểm.**3.1.1.1 Về bộ máy kế toán.****a. Đối với công tác kế toán.**

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của Công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, Công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

- + Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên.

- + Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- + Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ nhân viên kế toán trẻ nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- + Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn

- + Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- + Khi phòng kinh doanh tìm hiểu thị trường, các đối tác dự thảo hợp đồng mua bán, phương án kinh doanh thì kế toán cũng tham gia tính chặt chẽ của phương án kinh doanh, xác định nhu cầu vốn cần sử dụng. Bên cạnh đó, kế toán cần phải kiểm tra tính pháp lý ghi trong điều khoản.

+ Đối tác của Công ty rất nhiều. Vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ rất quan trọng. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp với mọi đối tượng.

b. Chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng.

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán Công ty phản ánh một cách chi tiết, cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung rất phù hợp với công ty kinh doanh thương mại. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được đơn giản nhưng cũng đồng thời đảm bảo độ chính xác. Đặc biệt hình thức Nhật ký chung thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán máy.

- Sổ sách Công ty áp dụng để ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, vừa đảm bảo tính chính xác, khoa học đồng thời vừa đảm tính đơn giản, dễ dàng cho việc kiểm tra, đối chiếu khi cần.

3.1.1.2. Về bộ máy quản lý.

Cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự sáng suốt của Ban Quản trị, Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... với sự nỗ lực đó Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

3.1.2. Hạn chế trong quá trình hoạt động của Công ty.

Bên cạnh những mặt tích cực cần được phát huy thì công tác kế toán của Công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

- Kế toán không lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng. Như vậy sẽ khó khăn cho việc kiểm tra, hạch toán hàng tồn kho theo từng mặt hàng.

- Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên khi mở sổ chi tiết bán hàng không có cột tính thuế, mẫu sổ chi tiết bán hàng của Công ty không đúng với theo quy định của Bộ tài chính.

- Kế toán không lập Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa cho toàn bộ hàng hóa mà lại theo dõi riêng biệt theo từng loại hàng hóa không đúng với chuẩn mực, như vậy sẽ khó khăn cho việc theo dõi tổng thể hàng hóa của công ty và đối chiếu với Sổ cái 156.

- Trong phần trình bày về báo cáo tài chính, cụ thể là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, công ty vẫn chưa áp dụng mẫu biểu của chế độ kế toán mới mà áp dụng mẫu biểu báo cáo cũ, không đầy đủ các chỉ tiêu. Trên thực tế, trong phần tính toán kết quả kinh doanh, kế toán đã xác định những khoản hạch toán vào TK 515 là doanh thu hoạt động tài chính nhưng khi trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vẫn ghi là thu nhập hoạt động tài chính chưa đúng với chế độ kế toán hiện hành. Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản như 641- chi phí bán hàng, 642- chi phí quản lý doanh nghiệp, trên thực tế không có tài khoản 641 mà chỉ có tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh, nên khi trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh, kế toán vẫn ghi là chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy, cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ và kế toán. Đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ

thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn càng có hiệu quả, hoạt động kinh doanh phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho mọi đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các Báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh, làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy

trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt khâu bán hàng vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế...tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.
- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Mục tiêu hàng đầu của bất kỳ một doanh nghiệp kinh thương mại là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó thì việc thực hiện tốt khâu bán hàng là rất quan trọng. Nó không những góp phần tạo doanh thu của Công ty mà còn khẳng định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu và thông qua kiến thức kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh như sau:

3.2.4.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán tại Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Căn cứ vào HD GTGT, phiếu xuất kho, phiếu chi, phiếu thu... và các chứng từ khác có liên quan, Công ty nên bổ sung và thay thế sổ sách theo mẫu của Bộ tài chính như sau:

- Kế toán công ty nên mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu 01) để theo dõi, kiểm tra được dễ dàng số lượng từng mặt hàng đã bán đi trong kỳ.

- Công ty nên thay thế mẫu sổ chi tiết bán hàng bằng mẫu sổ chi tiết bán hàng (biểu 02) cho phù hợp với việc áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Kế toán Công ty nên mở Sổ tổng hợp chi tiết sản phẩm hàng hóa (biểu 03) cho tất cả các mặt hàng, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu với Sổ cái TK 156. Không nên mở sổ tổng hợp chi tiết sản phẩm, hàng hóa cho từng mặt hàng.

✓**Ví dụ:** HĐ GTGT số 0031549, ngày 06 tháng 12 năm 2008 bán 4.788 lít Dầu Diezel 0,05%S, phiếu xuất số P XK-12-24/08, cho Công ty CP Xây dựng Miền Đông. Tổng tiền thanh toán là 57.455.980 đồng trong đó thuế GTGT 10% , đơn giá là 10.636,36 đồng, lệ phí xăng dầu là 1.436.400 đồng. Công ty CP Xây dựng Miền Đông thanh toán bằng tiền mặt phiếu thu số PT-12-023/08. Căn cứ vào số liệu trên các chứng từ kế toán nhập dữ liệu vào máy tính, phần mềm kế toán sẽ tự động nhập vào Nhật ký chung, Sổ cái tài khoản liên quan như ở phần ví dụ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ngoài ra kế toán phải lập thêm Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu 04), thay thế mẫu Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 05), lập lại Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, hàng hóa (Biểu 06)

Biểu 01**Công ty CP Dầu khí Trường Anh.****Số 939 đường 5 cũ – Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.****Mẫu số S36-DN****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các tài khoản : 154, 632,641,642)

Tài khoản :

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản....
	Số hiệu	NT			Số tiền
A	B	C	D	E	1
			SĐĐK		
			Cộng phát sinh		
			SDCK		

Biểu 02**Công ty CP Dầu khí Trường Anh.****Số 939 đường 5 cũ – Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.****Mẫu số S35-DN****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Mã sản phẩm:

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ):

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
							Có		
A	B	C	D	E	1	2	4	5	6
			Cộng						

Biểu 03:**Công ty CP Dầu khí Trường Anh.****Số 939 đường 5 cũ – Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.**

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH****Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán.**

Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008

Mã sản phẩm: HH079

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Dầu Diesel 0,05%S

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản 632
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số tiền
A	B	C	D	E	1
.....					
02/12/08	PXK-12-08/08	02/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031430	1561	664.992
04/12/08	PXK-12-13/08	04/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031434	1561	151.618.229
04/12/08	PXK-12-16/08	04/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031542	1561	664.992
06/12/08	PXK-12-23/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031548	1561	664.992
06/12/08	PXK-12-24/08	06/12/08	Phiếu xuất cho HĐ số 031549	1561	53.066.380
.....					
			Cộng		5.495.610.521

Biểu 04:**Công ty CP Dầu khí Trường Anh.****Số 939 đường 5 cũ – Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.****Mẫu số S35-DN****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG****Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008****Mã sản phẩm:****Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ):**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	4	5	6
.....									
04/12/08	HĐ031534	04/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131	13.680	10.636,36	145.505.405		
04/12/08	HĐ031542	04/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131	60	10.636,36	638.182		
06/12/08	HĐ031548	04/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131	60	10.636,36	638.182		
06/12/08	HĐ031549	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131	4.788	10.636,36	50.926.891		
06/12/08	HĐ031550	06/12/08	Dầu Diezel 0,05%S	131	13.680	10.636,36	145.505.405		
.....									
			Cộng		491.914,35		5.677.662.689		

Biểu 05:**Công ty CP Dầu khí Trường Anh.****Số 939 đường 5 cũ – Hùng Vương – Hồng Bàng – HP.****Mẫu số S11-DN****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)****BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA****TK: 156 Hàng hóa****Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2008**

STT	Mã sản phẩm	Tên quy cách vật liệu, hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
.....										
1	HH02	Mogas 92	73.342,61	1.150.293.592	181.778,46	1.768.077.221	214.520,15	2.611.761.854	40.600,92	306.608.959
2	HH03	Dầu Diezel 0,25%S	70.981,00	902.490.105	805.702	7.000.136.401	528.741,00	5.906.896.280	347.942	1.995.730.136
3	HH79	Dầu Diezel 0,05%S	593,49	5.101.640,04	533.904	5.918.840.941	495.850,35	5.495.610.521	38.647,14	428.332.060
.....										
		Cộng		5.741.642.228		20.089.901.005		21.087.160.568		4.647.918.327

3.2.4.2. Hoàn thiện hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Kế toán phải thường xuyên cập nhập các thông tin về chế độ, chuẩn mực kế toán mới, nhằm áp dụng cho phù hợp với loại hình của doanh nghiệp mình. Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh là một doanh nghiệp nhỏ nên sử dụng các mẫu biểu về Báo cáo tài chính theo Quyết định 48.

Ví dụ: Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản liên quan và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập lại Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo mẫu QĐ 48/2006 ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính.

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 02 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm ...

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Lập, ngàytháng.....năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 02 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2008

Người nộp thuế: Công ty CP Dầu khí Trường Anh.

Mã số thuế: 0200425948

Địa chỉ trụ sở: 939 đường 5 cũ – Hùng Vương.

Quận Huyện: Hồng Bàng

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng.

Điện thoại: 0313538668

Fax: 0313522068

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam.

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	101.360.475.402	79.723.709.607
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		101.360.475.402	79.723.709.607
4	Giá vốn hàng bán	11		98.151.851.227	78.517.653.092
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		3.208.624.175	1.206.056.515
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		489.570.579	686.223.168
7	Chi phí tài chính	22		1.079.912.500	410.223.000
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.516.270.926	1.519.036.965
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	30		102.011.328	(36.980.282)
10	Thu nhập khác	31			114.259.131
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40			114.259.131
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	102.011.328	77.278.849
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		26.420.934	21.638.078
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		75.590394	55.640.771

3.2.4.3. Hoàn thiện về phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Trong môi trường kinh doanh có sự cạnh tranh gay gắt hiện nay, song hành với những cơ hội là những thách thức, rủi ro có thể xảy ra bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp. Việc mỗi doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế tới mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu. Việc sử dụng phần mềm đối với việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin liên quan và đưa ra kết quả cuối cùng cho ban lãnh đạo Công ty, các đối tượng liên quan thì kế toán cũng có thể đưa ra những ý kiến để góp phần nâng cao kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Kế toán có thể từ những thông tin số liệu mình có nhận xét về tình hình tiêu thụ sản phẩm, tình hình công nợ...đang ở tình trạng tốt hay không tốt để từ đó có những giải pháp giúp lãnh đạo doanh nghiệp có quyết định phù hợp hơn.

Để làm được điều đó thì kế toán của Công ty ngoài tổ chức kế toán chi tiết về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh. Cụ thể như sau:

Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh**Năm 2008**

Stt	Chỉ tiêu	Số năm nay	Số năm trước	Chênh lệch	
				Số tiền	%
(1)	(2)	(5)	(6)		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.360.475.402	79.723.709.607	21.636.765.795	27,14
2	Các khoản giảm trừ doanh thu				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	101.360.475.402	79.723.709.607	21.636.765.795	27,14
4	Giá vốn hàng bán	98.151.851.227	78.517.653.092	19.634.198.135	25,01
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	3.208.624.175	1.206.056.515	2.002.567.660	166,04
6	Doanh thu hoạt động tài chính	489.570.579	686.223.168	(196.652.589)	-28,66
7	Chi phí tài chính	1.079.912.500	410.223.000	669.689.500	163,25
	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
8	Chi phí quản lý kinh doanh	2.516.270.926	1.519.036.965	997.233.961	65,65
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	102.011.328	(36.980.282)	138.991.610	375,85
10	Thu nhập khác		114.259.131	(114.259.131)	-100
11	Chi phí khác				
12	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)		114.259.131	(114.259.131)	-100
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	102.011.328	77.278.849	24.732.479	32
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26.420.934	21.638.078	4.782.856	22,1
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	75.590394	55.640.771	19.949.623	35,85

Qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể đưa ra nhận xét về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh năm 2008 như sau:

- Doanh thu năm 2008 tăng lên so với năm 2007 là 21.636.765.795 đồng tương ứng với tỷ lệ là 27,14%. Tốc độ tăng của giá vốn hàng bán là 25,01% thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần. Đây là một xu hướng làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy cần đi sâu vào xem xét nguyên nhân làm giảm giá vốn hàng bán để tiếp tục phát huy.
- Tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2008 tăng so với năm 2007 số tiền là 24.732.479 đồng với tỷ lệ tăng tương ứng là 32%, doanh nghiệp cần phát huy trong kỳ tới.
- Tuy nhiên doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác năm 2008 so với năm 2007 lại giảm đáng kể.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008 tăng 65,65% so với năm 2007, chi phí tài chính năm 2008 cũng tăng lên so với năm 2007 là 163,25%. Đây là một xu hướng không tốt, doanh nghiệp cần đi sâu vào tìm hiểu nguyên nhân làm tăng chi phí để có những biện pháp khắc phục.

Bảng phân tích Chi phí- Lợi nhuận

Chỉ tiêu	2007	2008	Chênh lệch
Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần	98,48	96,83	- 1,65
Tỷ suất chi phí quản lý kinh doanh trên doanh thu thuần	1,9	2,48	+ 0,58
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	0,097	0,1	+ 0,003

Qua bảng phân tích lợi nhuận ta thấy được:

- Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2008 là 96,83% như vậy cứ 100 đồng doanh thu thuần thu được phải bỏ ra 96,83 đồng giá vốn. Tỷ suất này năm 2008 giảm so với năm 2007 là 1,65%. Có nghĩa là doanh

ng nghiệp đã làm tốt công tác thu mua hàng hóa, tiết kiệm được chi phí thu mua. Doanh nghiệp cần phát huy hơn nữa.

- Tỷ suất chi phí quản lý kinh doanh trên doanh thu thuần năm 2008 là 2,48% có nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu thu được thì phải bỏ ra 2.48 đồng chi phí quản lý kinh doanh. Tỷ suất này năm 2008 tăng so với năm 2007 là 0,58%, Như vậy tron công tác quản lý kinh doanh doanh nghiệp đã không làm tốt công tác chi phí, không tiết kiệm được, doanh nghiệp cần có biện pháp khắc phục để làm giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần năm 2008 là 0,1% có nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu thu được thì sẽ thu về 0,1 đồng lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần năm 2008 tăng hơn so với năm 2007 là 0,003% có nghĩa là doanh thu năm 2008 mang lại cho doanh nghiệp nhiều hơn so với năm 2007 là 0,003 đồng tiền lãi. Lợi nhuận năm 2008 tăng lên chứng tỏ công ty đã kinh doanh có hiệu quả hơn năm 2007 nhưng mức tăng lên không đáng kể nên doanh nghiệp cần cố gắng hơn nữa để phát huy, đạt được hiệu quả cao hơn trong kỳ tới. Đặc biệt doanh nghiệp cần quan tâm đến việc giảm bớt các khoản chi phí nhằm làm tăng lợi nhuận.

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt là trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy để kế toán phát triển được vai trò này thì việc thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu. Trên góc độ cán bộ kế toán, em nghĩ rằng cần phải nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế mặc dù sự vận dụng lý luận và thực tế có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực tập tốt nghiệp, với sự chỉ đạo tận tình của giáo viên hướng dẫn: Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh và các cô chú phòng kế toán Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dầu khí Trường Anh.

Những đóng góp cụ thể của khóa luận:

- *Trình bày những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp.*
- *Trình bày thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.*
- *Trình bày những ưu, nhược điểm và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.*

Do kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thành tốt hơn.

Cuối cùng em xin gửi tới cô giáo hướng dẫn- Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh lời cảm ơn sâu sắc.

